

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| LỜI MỞ ĐẦU | 4 |
| I. ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN TRẦN CÔNG AN: CUỘC ĐỜI NHƯ HUYỀN THOẠI..... | 7 |
| 1. Tay không bắt giặc..... | 7 |
| 2. Đốt nhà đi làm cách mạng..... | 11 |
| 3. Trận công đồn bí mật– khai sinh kỹ thuật đánh đặc công..... | 12 |
| 4. Hoàn thiện kỹ thuật đánh đặc công..... | 18 |
| 5. Đánh tua cầu Bà Kiên: lấy ít địch nhiều..... | 21 |
| 6. Những lần gặp Bác..... | 25 |
| 7. Lui về sau sản xuất..... | 27 |
| 8. Đánh sân bay Biên Hòa: uy danh lừng lẫy khắp năm châu..... | 33 |
| 9. Chỉ huy đánh Tổng kho Long Bình..... | 37 |
| 10. Cùng miền Nam chia lửa..... | 40 |
| 11. Người anh hùng bình dị..... | 43 |
| II. ĐẠI TÁ TRẦN CÔNG AN – NGƯỜI ANH HÙNG BÌNH DỊ..... | 48 |
| 1. Một lòng trung với Đảng, hiếu với dân..... | 48 |
| 2. Mưu trí, sáng tạo..... | 52 |
| 3. Lối sống gương mẫu, giản dị..... | 55 |
| 4. Anh hùng trong chiến đấu, anh hùng trong lao động..... | 58 |
| I. HOÀNG MINH CHÂU – TỈNH TRƯỞNG CÁCH MẠNG ĐẦU TIÊN CỦA BIÊN HÒA: NGƯỜI CON VỆ TRÒN TRUNG HIẾU | 66 |
| 1. Cậu Tư đi làm cộng sản..... | 66 |
| 2. Thành lập Chi bộ Đảng Bình Phước – Tân Triều..... | 70 |
| 3. Khởi nghĩa cách mạng, thành lập chính quyền..... | 72 |
| 4. Đấu tranh đòi thả tự do cho “Nghị sĩ quốc hội Hoàng Minh Châu..... | 76 |
| 5. Những năm tháng cuối đời..... | 78 |
| II: HOÀNG MINH CHÂU – NGƯỜI ANH HÙNG CỦA ĐẤT ĐỒNG NAI..... | 80 |
| 1. Người đại biểu nhân dân..... | 84 |

| | |
|--|-----------|
| III. NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA HOÀNG MINH CHÂU TRONG SỰ NGHIỆP ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC..... | 90 |
| 1. Tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lê Nin và định hướng phong trào yêu nước ở Biên Hòa | 90 |
| 2. Thành lập chi bộ Đảng Bình Phước – Tân Triều tạo tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa, thành lập chính quyền..... | 91 |
| 3. Thành lập Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Biên Hòa..... | 94 |
| LỜI KẾT..... | 96 |

LỜI MỞ ĐẦU

Trong hai cuộc đấu tranh vệ quốc vĩ đại của dân tộc ta, đã có nhiều người con Việt Nam hi sinh xương máu để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ quyền hòa bình, độc lập. Hòa chung không khí những ngày “cầm súng lên đường đi chiến đấu” sôi nổi ấy, tỉnh Đồng Nai, miền đất gian lao và anh dũng luôn đi trước về sau đã kiên cường đứng lên cùng cả nước chống giặc. Đất nước ta đã hoàn toàn độc lập nhưng những người con ưu tú của tổ quốc đã mãi mãi ngã xuống tạc nên tượng đài của đất nước.

Tỉnh Đồng Nai tươi đẹp hôm nay có được không thể quên công lao của những người con cách mạng kiên trung đã hi sinh cả cuộc đời mình xây dựng và gìn giữ. Những cái tên anh hùng như: Lê A, Điều Xiêng, Bùi Văn Hòa, Lê Bá Ước... từng khiến quân thù phải kinh hồn bạt vía với những trận đánh làm “rung chuyển Nhà trắng”. Trong đó, không thể không kể đến hai người anh hùng gắn liền với những mốc son đầu tiên trong quá trình đánh giặc là đồng chí Hoàng Minh Châu – Vị chủ tịch tỉnh Biên Hòa đầu tiên (nay đổi tên là tỉnh Đồng Nai) và Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân Trần Công An – người đã phát minh ra kỹ thuật đánh đặc công độc đáo, lập nên nhiều chiến công hiển hách.

Đến với Hội thi Tìm hiểu Văn hóa Lịch sử của tỉnh Đồng Nai là dịp để chúng ta ôn lại truyền thống hào hùng của dân tộc. Qua đó bồi đắp thêm tình yêu đất nước và nhắc nhở thế hệ trẻ hôm nay không quên công ơn của những người đi trước để từ đó sống, học tập và lao động, xây dựng đất nước ngày càng thêm tươi đẹp để xứng đáng với truyền thống yêu nước quý báu của dân tộc.

“Các vua Hùng đã có công dựng nước

Bác cháu ta hãy cùng nhau giữ lấy nước”

(Chủ tịch Hồ Chí Minh)

Câu 1: Hãy nêu cảm nhận của bạn về tiểu sử nhân vật được chọn đặt tên đường tại địa phương phường, xã nơi bạn đang ở. Những hành động, đức tính nào của nhân vật bạn cần học tập, làm theo.

MỞ ĐẦU

Nhà của Anh hùng Lực lượng Vũ Trang Nhân dân Trần Công An nằm khiêm tốn trên một con đường vành đai sân bay Biên Hòa mà tháng 2 năm 2013, UBND tỉnh đã qua quyết định số 12/2013/QĐ-UBND về việc đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng tại thành phố Biên Hòa (lần 2) đã lấy tên ông đặt cho con đường vốn vô danh này.

Người quản lý ngôi nhà của ông và lưu giữ tất cả tư liệu, hình ảnh, kỷ vật của ông là cô con gái Trần Thị Dính, người con mà ông hết mực yêu thương. Bà năm nay đã 76 tuổi nhưng vẫn còn nhớ rất rõ kỷ ức về cha mình. Đối với bà, ông không chỉ là người cha mà bà kính yêu mà còn là người đồng đội, người thủ trưởng đã cùng chiến đấu trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại. Chính Đại tá Trần Công An trước khi qua đời đã giao phó lại cho bà sự nghiệp ông để lại.

Gặp bà trong một buổi chiều cuối tháng 11/2016, bà tiếp chúng tôi trong tâm trạng cõi mở dù căn bệnh tuổi già khiến sức khỏe của bà không còn được như trước.

Bà ân cần nói với chúng tôi: “Các cháu cần tìm hiểu gì về cuộc đời và sự nghiệp của cha tôi, tôi rất sẵn lòng chia sẻ. Lúc còn sống, cha tôi cũng luôn dặn dò phải giữ gìn tất cả các tư liệu, kỷ vật mà cha tôi để lại để sau này làm truyền thống cho thanh niên”.

Lần theo lời kể của bà cùng những tư liệu mà Đại tá Trần Công An kể lại trong cuốn Hồi ký “Người chiến sĩ đặc công” xuất bản năm 2002 của ông, hình ảnh của một người anh hùng cách mạng Trần Công An hiện lên hào hùng mà dung dị.

I. ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN TRẦN CÔNG AN: CUỘC ĐỜI NHƯ HUYỀN THOẠI

1. Tay không bắt giặc

Nơi chôn nhau cắt rốn của ông Trần Văn Kìa - bí danh Hai Cà, tức đại tá Trần Công An là cù lao Rùa, ấp Nhì, làng Nhựt Thạnh thuộc xã Thạnh Phước, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương ngày nay. Ông sinh ngày 22.12.1920 trong một gia đình nông dân nghèo.



AHLLVTND Trần Công An

Cù lao Rùa có vài dòng họ lớn thì họ Trần của ông là một trong các kiềng họ. Cha ông là ông Hai Ca (Trần Văn Ca) từ nhỏ được học ít nhiều, có lúc làm biện làng (thư ký ghi chép) qua đời năm 1927 để lại mẹ ông là bà Nguyễn Thị Phố một mình tảo tần nuôi nấng ông cho đến lúc trưởng thành.

Mặc dù của hương hỏa ông có để lại tới 7 mẫu đất mía, ông là cháu nội duy nhất được ông bà cung như cung trứng mỏng mà ông cũng chỉ được ăn cơm với mắm nêm qua ngày.

Học đến lớp nhì (tức lớp 4 ngày nay), không đủ tiền xuống phố trọ học nên ông nghỉ ngang. Năm đó ông 12 tuổi. Cũng vì nhà nghèo không có tiền hót tóc nên ông để tóc búi tó củ hành. Mới đầu nhỏ, sau lớn dần, vì quen nên ông không thấy vương. Người không biết còn tưởng ông theo đạo nào đó.

Lớn lên một chút, nhờ mẹ tảo tần, ông cũng một tay phụ mẹ nên gia đình có khá hơn. Năm 17 tuổi, mẹ con ông mua được căn nhà cột vuông 200 đồng về dựng. Có nhà, có lúa, có mía, có tiền... và được xếp vào hàng trung nông. Kinh tế gia đình khá khá là nhờ ông dốc sức làm quần quật, “làm thiệt sự chớ làm gì có chuyện làm chơi ăn thiệt”. Một mình ông lao động nên nhà càng ngày càng khá khá.

Năm ông 18 tuổi, mẹ ông giục ông lấy vợ. Người con gái nên duyên cùng ông là bà Trương Thị Niều. Đây cũng là người bạn đời đã sinh cho ông tất cả 7 người con và cùng ông chiến đấu trong suốt thời kỳ đánh giặc cứu nước đến tận ngày nay. (Bà mất năm 2004).

Trước cách mạng tháng 8/1945, Thạnh Hội có chừng 2000 dân với 300 mẫu ruộng. Nguồn sống chính của người dân là trồng lúa và mía. Ở vùng này cũng như nơi khác, tá điền mướn ruộng thì nộp tô khoảng 50% cho chủ điền, năm nào thất thì tá điền chỉ còn rất ít lúa ăn. Lại phải vay nợ nên nợ chồng lên nợ. Không chỉ thế,

với chính sách tô thuế nặng nề, người dân không ngóc đầu lên được. Dân đình làm được bao nhiêu mang đi đóng thuế hết cho cường quyền. Không đủ tiền đóng, hương hào, hương quản bắt ra giữa làng đóng trăn. Mẹ ông cũng từng bị đóng trăn, từng bị xem là dân "trốn xâu lậu thuế". Ông kể lại trong cuốn hồi ký: “tôi không hiểu vì sao má tôi cũng có lần bị đóng trăn (cùm chân) vì phụ nữ không phải đóng thuế thân?”

Có lẽ chính vì những bất công xã hội đã tạo nên những đợt sóng ngầm chỉ chờ cơ hội thuận lợi là bùng phát. Điều đó giải thích vì sao đại bộ phận người dân quê ông sau này đi theo cách mạng mong thiết lập trật tự xã hội mới ấm no, công bằng, dân chủ.

Cách mạng Tháng Tám nổ ra, nhân dân khắp nơi nổi dậy giành chính quyền. Giác ngộ sâu sắc rằng không thể quay lại kiếp trâu ngựa, nô lệ cũ, anh nông dân “chỉ cắm cúi làm việc quần quật, không hề để ý đến mọi chuyện xung quanh” bỗng nhiên bị cuốn hút vào cao trào yêu nước sôi động, gia nhập tổ chức Thanh niên Tiền phong, sau đó là Thanh niên cứu quốc. Chưa được bao lâu, quân Pháp trở lại bố ráp mạnh. Cùng lúc đó, sự phản kháng trong dân cũng tăng lên. Ông Kia được anh em bầu làm Xã đội trưởng phụ trách dân quân, du kích xã. Anh em mỗi người tự làm cho mình cái roi, gậy hay tầm vông vạt nhọn và ra sức tập luyện.

Xã đội trưởng Trần Văn Kia bắt đầu tìm cách đánh địch. Đêm nằm vắt óc suy nghĩ, ông phác thảo trong đầu hai phương án: Một là ôm địch mà vật, lấy súng. Hai là giả làm lái đò chở lẻ lính Pháp qua sông, đến gần bờ thì nhận cho đò chìm, lấy mái dầm đánh giặc. Phương án sau xem ra dễ thực hiện hơn phương án ôm vật.

Ông kể lại trong hồi ký: “tôi quyết đánh địch để khi chúng qua đây phải ngán sợ đất này. Mặt khác, tôi muốn có súng. Tập quân sự không có súng chán lắm!”.

Cơ hội rồi cũng đến, một hôm định ra sông làm lái đò chờ địch thì nghe tin có một lính Pháp cùng một người tù đang lang thang trong làng. Lúc đó là sắp đến Noel, tên Pháp đi kiếm hoa về chưng lễ Giáng sinh.

Sự kiện này được đại tá Trần Công An kể lại trong cuốn hồi ký của ông: “Ở Cù lao rùa, cơ sở ta đã hạ bả tín hiệu để mọi người biết Tây sắp qua. Nghe tin, tôi bơi xuống qua sông thì ông Hai Lê là cơ sở của tôi ở Tân ba cho biết thằng Tây đã qua đò sang Cù Lao. Tôi quay về luôn. Tôi gặp nó đang chỉ chỗ cho anh tù bẻ bong trong xóm. Anh này đi sau ôm một mớ bông trong tay. Ở đây không có nhiều bông. Tôi giả đi cày về, tay cầm roi trâu, đầu đội nón lá, áo ngoài che khuất sợi thừng buộc nút thòng lọng giắt ở eo lưng”

Lúc đó ông nói với tên Pháp:

"Eh vous! Ici beaucoup fleurs"

(Thưa ông! Ở đây có nhiều hoa lắm).

Đúng ra ông phải nói là bas ici (không phải ở đây) chứ không phải ici (ở đây). Nghe vậy tên lính gật đầu "Oui! Oui".

Hắn bắt ông dẫn đi tìm hoa. Ông Kia dẫn đi lòng vòng. Đến chỗ có ruộng nước khô, đợi khi tên lính vừa bước lên bờ, từ phía sau bắt ngờ ông lao tới ôm ghìet đôi chân rồi giật mạnh về phía sau, đầu úi vào lưng.

Tên Pháp ngã sóng soài, khẩu súng văng ra, ông chộp lấy lên đạn cái "rộp" và chĩa vào hắn. Người tù được phóng thích phụ với ông trối thúc tên giặc, lấy dây thòng lọng tròng vào cổ dẫn đi giao nộp cho Huyện đội.

Chiến công đầu tiên của ông là cây súng với 200 viên đạn vàng chóc lấy được từ “thằng Tây” bị ông bắt.

Ông nhớ lại lúc đem giải thằng Tây lên huyện ủy Tân Uyên, ông đã bày tỏ với ông Năm Bình, là Bí thư Huyện ủy lúc đó: “Ông cho tôi mang súng về khoe với đồng bào, tôi sắp xếp việc gia đình rồi tôi đi bộ đội luôn”.

Ông được huyện đồng ý cấp cho cây súng về khoe với dân làng. Nhiều người không biết, cứ tưởng ông là công an cách mạng. Ông Kia có tên mới Trần Công An là do cái tích "tay không bắt giặc" nói trên.

2. Đốt nhà đi làm cách mạng

Quân Pháp thấy mất người, dẫn lính đi tìm. Ông Kia cũng biết trước điều đó nên đã chuẩn bị tinh thần. Sợ quân Pháp trả thù, liên lụy đến bà con dân làng, ông về làng bắn tiếng là chính ông bắt tên lính chứ không phải công an nào cả.

Ông bàn với mẹ: "Thôi, công mình cất nhà, để nó phá uổng, thà mình đốt nó đi, thị oai, hồng cần...".

Mặc dù ông là con trai duy nhất nhưng mẹ ông khí khái đáp: “Má cho con đi bộ đội, ở nhà thế nào nó cũng giết. Mình đi giết giặc, nếu mình không giỏi thì nó giết mình...”.

Ông dẫn mẹ ra ở tạm nhà bà con lối xóm và xin mẹ cho ông thoát ly đi bộ đội luôn. Tối đó, ông nhờ thanh niên trong làng khiêng hết đồ đạc trong nhà đi gửi nhờ hàng xóm, xong chất đầy bã mía vào hòng kèo, hòng cột và nổi lửa. Nhà cháy sáng rực một vùng quê. Mẹ con bùi ngùi đứng nhìn căn nhà thân yêu, do công sức làm thuê, vớt củi, cày bừa mà có, nay thành tro bụi.

Xong xuôi, sáng ngày 24.12.1946 du kích Trần Văn Kìa đi hót cái búi tóc, rồi xách súng đi làm cách mạng.

Hồi tưởng lại chuyện này, người già trong làng còn nhắc: “Hồi đó còn Rùa có ông Hai Cà dám tay không bắt Tây cướp súng rồi đốt nhà, giã từ búi tóc đi kháng chiến”.

Tham gia kháng chiến, ông Hai Kìa gia nhập lực lượng Chi đội 10 và được học quân chính tại trường Quân chính Hoàng Hữu Nam. Tháng 11 năm 1947, huyện đội Tân Uyên được thành lập. Thực hiện chủ trương kháng chiến triệt để dựa vào dân. Chính quyền, mặt trận và các đoàn thể cử 13 cán bộ xuống các xã trong toàn huyện vừa tuyên truyền, vận động, tổ chức huấn luyện dân quân tự vệ, du kích làm tốt việc canh gác, điều tra tình hình phá hoại cầu cống, cắt đứt giao thông; đồng thời tổ chức chiến đấu nhỏ lẻ đánh địch, chống khủng bố, cướp của, giết người bảo vệ nhân dân. Sau khi tham gia học khóa quân chính 3 tháng trở về, ông Hai Cà được Chi đội 10 điều xuống huyện đội Tân Uyên công tác.

3. Trận công đồn bí mật– khai sinh kỹ thuật đánh đặc công

Giữa năm 1947, trước nguy cơ phá sản của chiến lược đánh nhanh thắng nhanh trên chiến trường Việt Nam, Pháp với mục đích muốn nhanh chóng vãn hồi tình hình, tướng Đờ La-tua (De Latour Desmerlins) sang thay thế tướng Nyô đã đề ra kế hoạch “3 giai đoạn, 6 biện pháp” trong đó có chiến thuật tháp canh nổi tiếng.

Thực hiện chiến thuật này, quân Pháp tiến hành xây dựng hệ thống tháp canh dày đặc, mỗi tháp canh nằm cách nhau khoảng 1 km, tạo thành hệ thống liên hoàn để kiểm soát, bảo vệ các đường giao thông quan trọng đồng thời chia cắt, khống chế vùng căn cứ cách mạng và các hoạt động của ta, phục vụ kế hoạch bình định toàn khu vực.

Mỗi tháp canh được xây dựng theo hình vuông, dài 4 – 5m, tường xây bằng đá hoặc gạch dày 40 – 60cm, cao ba tầng khoảng hơn 10m, xung quanh có một số châu mai, nóc lợp ngói hoặc tôn làm chòi gác có trang bị đèn pha cỡ lớn để quan sát xa. Nhân dân trong vùng hay gọi gác canh trên tháp là lồng cu. Lồng cu có lính gác ngày đêm.



Lính gác công (ảnh tư liệu)

Trong tháp canh, tầng 1 vừa là kho vừa là nơi nấu nướng. Tầng 2 là nơi lính ở. Tầng 3 là nơi lính gác tập trung quan sát tình hình của bộ đội và các chiến sĩ cách mạng ta. Quân số trong mỗi tháp canh là 1 tiểu đội, được trang bị đầy đủ súng ống, đạn dược. Phía ngoài mỗi tháp canh có 3 hàng rào kẽm gai (về sau, địch cho gài thêm lưu đạn hoặc mìn) và có hào cắm chông. Cứ khoảng 5-7 tháp canh “con” lại xen tháp canh “mẹ” có cấu trúc cao hơn, kiên cố hơn, trang bị súng máy, súng cối và một số tua trang thiết bị điện đài liên lạc với chi khu, tiểu khu. Từ các tháp canh này, địch thực hiện chiến thuật “vét dầu loang”.

Trước tình hình ấy, đầu năm 1948, Huyện đội Tân Uyên chỉ thị cho tổ trưởng tổ tác chiến Hai Kia phải cùng với du kích huyện và xã tìm cách đánh phá tháp canh của địch để lập thành tích kỷ niệm ngày thành lập Huyện đội, và kỷ niệm ngày sinh nhật Bác với yêu cầu bằng mọi giá phải đánh thắng ngay trận đầu ra quân để cổ vũ tinh thần đánh Tây của du kích địa phương. Đánh trận dù nhỏ cũng phải tiêu diệt gọn, lấy được súng; nếu không lấy được súng coi như chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Tháp canh này nằm ở xã Phước Thành, cách đồn địch ở Tân Ba 1km. Sau khi điều nghiên bước đầu, nắm bắt được thông tin về tháp canh cầu Bà Kiên từ cơ sở mật, kết hợp 3 đêm trực tiếp đột nhập sát tháp canh nắm được quy luật hoạt động của bọn lính trong tháp canh, số lượng vũ khí, quân lính... Ông Kia thấy tháp canh Bà Kiên được xây rất kiên cố với tường gạch dày 40cm, rộng 16m, cao 10m, một phiên gác 10 lính, được bảo vệ bằng rào sắt, đèn pha và mìn. Ngoài ra, có nhiều chi tiết khiến ông chú ý như giờ đổi phiên gác, lỗ châu mai, thói nghiện thuốc của lính canh, cỏ dại, đặc biệt là hệ thống đèn pha, qui luật rọi đèn...

Tổ trưởng Kia về báo cáo Huyện đội phương pháp đánh, xin được hỗ trợ vũ khí và sẽ tổ chức đánh theo cách riêng của mình vì ông nhận thấy nếu bộ đội tấn công đông người thì chắc chắn sẽ cầm chắc thất bại. Cách đánh bí mật, bất ngờ được ông Hai Kia đem ra sử dụng. Tìm được lối đánh, ông lựa chọn 8 người nhanh nhẹn, khỏe mạnh tổ chức luyện tập, liên tục bí mật bám sát tháp canh quan sát. Để nắm bắt quy luật rọi đèn của địch, vì không có đồng hồ nên ông cùng đồng đội phải ghi nhớ bằng cách đếm những lần nín thở, sau đó về mượn đồng hồ tính ra thời gian cụ thể. Đèn pha của địch rất sáng, rất khó để đột nhập nhưng ông cũng phát hiện ra qui tắc là dù đèn sáng và mắt người gác tinh cỡ nào thì cũng có lúc bị “mù”, do nhìn lâu vào luồng sáng mạnh, mắt không thể nhìn thấy gì ở khoảng đen khi đèn pha lướt qua.

Sau thời gian bám địa hình nghiên cứu, ông thấy có 3 thời điểm quan trọng có thể đột nhập vào tháp canh đó là: khi lính đổi gác, khi lính bật quẹt hút thuốc và khoảng cách thời gian quét qua lại của đèn pha. Bên cạnh đó, ông cũng nhận thấy, bọn lính trong tháp canh chỉ chú ý mặt tiền con lộ hướng Đông mà ít chú ý con rạch bên hướng Bắc. 16 Bộ đội đặc công tổ chức đột nhập căn cứ địch (nguồn: Internet) Trở về, ông cùng đồng đội tổ chức tập trận giả đánh tháp, người thì trèo lên cây, ôm đèn pha, làm lính canh; người thì tìm cách áp sát tháp canh. Trong quá trình tập luyện, dưới ánh đèn, anh em đột nhập hàng chục lần đều bị phát hiện, có khi cả cơ thể, lúc là chỏm tóc đen, đôi mắt. Để khắc phục, khi người đóng vai lính gác phát hiện ra chỏm tóc đen thì được lấy lá chuối che lên đầu, lần sau không phát hiện nữa. Còn với tròng mắt bị sáng khi đèn pha chiếu vào thì khắc phục bằng cách gục đầu hoặc nhắm mắt lại. Còn với lưng trắng lộ dưới ánh đèn, ông cùng mọi người cắt tàu lá chuối non buộc lên cho giống màu cỏ. Sau khi tập luyện thành thạo, ông Kia bàn bạc với anh em sẽ tiến hành đột nhập vào tháp canh lúc lính đổi gác vì khi ấy bọn chúng sẽ tán chuyện với nhau khá lâu. Xác định rõ cách đánh và thời gian đánh, ông chọn hai người là ông Hồ Văn Lung và Trần Văn Nguyên tham chiến cùng mình. Tuy nhiên, muốn trèo vào được tua để đánh tháp canh thì cần phải có thang dài. Làm sao mang thêm cái thang cồng kềnh mà không bị địch phát hiện. Ông cùng ông Lung vào xóm mượn thang hái trà của dân, lấy quần “xà lỏn” quấn vào hai đầu thang để tránh tiếng động.

Mặt khác lúc ấy đa số còn sử dụng loại lựu đạn đập thô sơ do công binh xưởng của ta chế tạo. Ông lo chính tiếng đập này sẽ làm mất yếu tố bất ngờ để giặc nhanh chóng phản ứng nên quyết định đổi 9 trái lựu đạn đập được cấp cho Trung đội 3 du kích xã để lấy 9 quả lựu đạn rút chốt, ông mới ra quân. Tối ngày 18, rạng sáng ngày 19 – 3 – 1948, theo kế hoạch, toàn tổ nguy trang tiến sát hàng rào, quan sát kỹ mục tiêu, chỉ rõ nhiệm vụ từng người và ông bí mật trực tiếp bắc thang vào

tháp canh. Nhưng khi tới gần hàng rào chuẩn bị đột nhập thì ông và đồng đội gặp trở ngại, vì chiều đó bọn Pháp đốt trại đồng cỏ bao 17 quanh.



Trận đánh tháp canh được tái hiện lại qua tranh vẽ tại Bảo tàng Đồng Nai

Đang loay hoay, ông bất ngờ nhìn lớp tro cỏ, chợt nghĩ ra cách lấy bùn ướt và chính tro này xoa lên người để nguy trang... Cuối cùng, 3 người áp sát tháp canh thành công, ném liên tiếp chín quả lựu đạn. Lựu đạn nổ, toàn bộ địch bảo vệ cầu và tháp canh bị tiêu diệt. Sau khi hai người đồng đội cùng chiến đấu đã rút lui an toàn, để đề phòng địch còn sống sót đánh trả, ông chui vào ném tiếp trái lựu đạn phòng thân. Do lựu đạn nổ gần, một mảnh văng ra trúng ngực trái khiến ông rơi xuống, bất tỉnh. “Tôi thấy ngực mình ê ê... có cảm giác da ướt ướt, tôi lấy tay quẹt rồi đưa lên nếm thấy mặn mặn. Chết cha, mình bị thương. Xuống đến nửa thang, tôi rớt “bịch”, ông Hai Cà kể lại.

Nhưng ngay sau đó ông tỉnh lại và mặc dù vết thương máu ra nhiều, ông vẫn cố gắng cùng đồng đội leo thang trở lại tháp canh rút dao găm lao vào cận chiến, hạ gọn những tên còn sống, thu 10 súng trường và rất nhiều đạn dược. Sau này, mỗi lần kể lại câu chuyện đánh tháp canh cầu Bà Kiên, ông Hai Cà lại đưa tay sờ trên

ngực trái, nơi mảnh lựu đạn vẫn còn nằm trong đó như nhắc nhở ông về quá khứ gian khổ hào hùng những đầu đánh Pháp mỗi khi trái gió trở trời. Sự kiện tháp canh Bà Kiên bị diệt lan truyền. Quân Pháp hoang mang với lối đánh lần đầu xuất hiện ở chiến trường này.

Ngày 5/4/1948, ông được mời về tham dự cuộc họp do Quân khu 7 tổ chức ở Tỉnh đội, để kiểm thảo trận đấu tua cầu Bà Kiên. Sau khi nghe ông thuật lại diễn biến trận đánh, các đồng chí có mặt tại lúc đó đã đánh giá: Cách đánh này rất hay. Không có sách vở nào viết, không theo bài bản nào mà do lòng yêu nước, căm thù giặc, gan dạ mới đánh được. Phục kích, tập kích đã có trong cách sách quân sự. Đánh thế này phải bảo đảm mưu trí, bí mật, bất ngờ, sáng tạo...

Về sau, lối đánh của công được đúc kết hoàn chỉnh thành hệ thống lý luận: Dựa vào đồng bào, về tư tưởng phải gan dạ, tích cực sáng tạo; về chiến thuật phải bí mật, bất ngờ... Lúc ấy chưa có tên gọi đặc công, nhưng quân kháng chiến đã hiểu có thể áp dụng chiến thuật “lấy ít đánh nhiều, lấy yếu thắng mạnh, lấy tinh nhuệ chiến thắng số lượng đông, lấy bí mật, bất ngờ làm yếu tố tiên quyết”.

Do tác dụng của cách đánh ấy, nên được Bác Hồ huấn thị nhân ngày thành lập Binh chủng Đặc Công 19-3-1967 (2), có câu: “Đặc công tức là công tác đặc biệt, là vinh dự đặc biệt, cần phải có cố gắng đặc biệt”.

Từ đó, có tên là Bộ Đội Đặc Công, hình thành binh chủng đặc công, ý Bác Hồ có nghĩa là "Tấn công đặc biệt" hoặc là "Bộ đội tinh nhuệ đặc biệt". Bác Hồ còn tặng cho Binh chủng Đặc công bốn câu trong ngày 19/3/1967 nhân dịp Bác, Thủ tướng Phạm Văn Đồng và Đại tướng Võ Nguyên Giáp về thăm binh chủng:

“Đặc biệt tinh nhuệ

Anh dũng tuyệt vời

Mưu trí táo bạo

Đánh hiểm thắng lớn".

Khi chiến thuật Đờ La-Tua của địch bị thất bại nặng nề, ta mở nhiều đường giao thông huyết mạch, đường tiếp tế thuận lợi, những hành lang an toàn cho kháng chiến, địch giảm các trận càn thấy rõ. Đó là chiến công hiển hách bắt nguồn từ chiến khu Đ (Biên Hoà), người khởi nguồn cho chiến công nổi tiếng dùng chiến thuật đặc công đánh bại chiến thuật Đờ La-Tua chính là đồng chí Trần Công An, người con của quê hương Biên Hoà - Đồng Nai.

Đại tá Trần Công An, chẳng những là người có công đầu về cách đánh đặc công mà còn trực tiếp góp phần nhân rộng bằng hành động thực tế, miệng nói tay làm, luôn hướng dẫn cho đồng chí, đồng đội các nơi một cách tỉ mỉ, chu đáo những kinh nghiệm quý báu và chính đồng chí đã trực tiếp tham gia cùng đồng đội chiến đấu và góp phần chiến thắng quân thù tại Bà Rịa, Gia Định, Thủ Đức, Mỹ Tho, đánh hạ Tua Mẹ ở ấp An Chũ, thu 12 súng, 1 rốc két, diệt 25 tên Pháp cùng quân ngụy, đánh giao thông đường 14 và nhiều tháp canh khác. Riêng ở tỉnh Mỹ Tho đánh bót nhà máy đèn, nhân dân địa phương rất phấn khởi. Phối hợp với các đơn vị thuộc binh chủng biệt động diệt hai tháp canh ở thị trấn Trắng Bom, hỗ trợ cho nhân dân diệt ác phá kìm, tuyên truyền giác ngộ đồng bào tạm chiếm đối với cách mạng. Từ cách đánh đặc công độc lập, phát triển thành các chiến thuật kết hợp đặc công, biệt động, bộ binh...

Ngày 19 tháng 3 năm 1948 trở thành ngày truyền thống của lực lượng đặc công Việt Nam.

4. Hoàn thiện kỹ thuật đánh đặc công

Cách đánh của ông Hai Cà được Quân khu đánh giá cao, cho rằng đó là cách đánh rất hay nên ông được giao huấn luyện lối đánh này cho chiến sĩ chiến khu Đ và các tỉnh lân cận. Tuy khởi đầu nhưng phương pháp huấn luyện khá bài bản, có

18 cả mô hình tháp canh, đồn bót. Chiến sĩ được huấn luyện kỹ thuật hóa trang, vượt rào thép gai, bãi mìn, ánh sáng và những đòn thế cận chiến hiểm hóc... Mặc dù đã đề phòng lối đánh xuất quỷ nhập thần này nhưng nhiều sào huyệt của quân Pháp sau đó vẫn liên tiếp bị đánh tung. Riêng trận đánh tháp canh lớn ở cầu Vàm Giá, Phú Giáo, cả trung đội địch với đủ hỏa lực hạng nặng đại liên, súng cối bị hạ gục hoàn toàn.

Trận này, ông Hai Cà dẫn nhóm người của mình hóa trang thành cây cỏ vượt hàng rào kẽm gai, bãi mìn, rồi luồn dưới kênh nước tiếp cận mục tiêu thành công dưới mấy họng súng đại liên lúc nào cũng chĩa... ngay trên đầu họ. Sau trái nổ phá tường, trái nổ thứ hai được cột vào đầu cây tầm vông nhét sâu vào bên trong. Sức công phá khủng khiếp đến mức vỡ tung tháp, hất bay tên lính ngồi canh trên cao ra sông cách đó mấy chục mét, 31 lính chết tại chỗ, còn bốn tên trọng thương bị bắt sống. Trong trận này, ta tiêu diệt 1 trung đội lính Âu – Phi, thu 26 cây súng trong đó có 1 súng đại liên, 1 súng cối... Ngoài ra, đợt hoạt động từ tháng 4 đến tháng 10 – 1949, bằng các cách đánh nhanh, bất ngờ, bí mật, Huyện đội Tân Uyên đã được 120 súng các loại để làm vũ khí trang bị cho các đơn vị du kích huyện, xã.

Cuối năm 1949, địch ráo riết thực hiện chiến thuật tháp canh Đờ Latua, hàng ngàn tua, bót được thành lập trên đất Nam Bộ. Hệ thống tháp canh của địch hết sức lợi hại, chi viện cho nhau hiệu quả nên gây cho ta rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, trước sự kiện các tháp canh liên tiếp bị đột nhập khiến cho thực dân Pháp rút kinh nghiệm, tổ chức canh phòng cẩn mật hơn. Theo chỉ đạo của Khu và Tỉnh đội, dân quân du kích các xã tập trung bảo vệ lực lượng, phá hoại cầu đường trong hệ thống giao thông của địch. Riêng hai trung đội của Huyện đội Tân Uyên được giao nhiệm vụ bảo vệ cán bộ từ chiến khu ra vùng tranh chấp; vận động nhân dân ủng hộ cách mạng, bảo vệ mùa màng... Thời gian này, lực lượng du kích các địa phương cũng thực hiện cách đánh từ xa vô các tua, bót của địch bằng pháo nhưng đều tỏ ra

không hiệu quả. Tháng 10 năm 1949, Quân khu 7 quyết định thành lập lực lượng bộ đội chủ lực tại địa phương. Ông Hai Cà được phân công làm Huyện đội phó huyện đội Tân Uyên kiêm Đại đội trưởng Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa, mới thành lập gồm 76 cán bộ, chiến sĩ. Đồng thời trước tình hình mở rộng chiến thuật tháp canh của Pháp và thất bại của cách đánh truyền thống trước đó, Khu 7 mở hội nghị bàn cách đánh tháp canh và mở huấn luyện cách đánh này ra các vùng lân cận. Hơn 100 chiến sĩ, du kích trong vùng và các khu vực Thủ Đức, Lái Thiêu, Long Thành, Vĩnh Cửu... cùng tham gia lớp học. Cũng từ đây, cách đánh công đồn bí mật của ông ngày càng 19 được hoàn thiện.



Đặc công Việt Nam thời kháng chiến chống Mỹ

Cụ thể, bên cạnh việc tập luyện theo cách đánh tua với kỹ thuật đột nhập hóa trang, bí mật, bất ngờ thì kỹ thuật đánh tháp có cải tiến ở điểm thay thế chiếc thang nặng công kênh bằng sào lò ô phơi khô đầu có gắn mìn lôm FT để đảm bảo đánh tới lính gác trong lòng cu. Để chứng minh khả năng giành thắng lợi trong cách đánh mới, cùng với Giám đốc xưởng cơ giới Bùi Cát Vũ, ông Hai Cà tổ chức và trực tiếp chỉ huy lực lượng du kích, chiến sĩ tham gia lớp học ra quân đánh đồng loạt 50 tháp canh dọc các lộ 16, 1, 24, 14 và các đường liên tỉnh 15, 12... Mỗi tháp

canh phân công 2 người tham gia đánh. Kết quả, cả 50 tháp canh đều bị tiêu diệt, 70 tên địch chết, một số bị thương... khiến quân Pháp ở Biên Hòa hoang mang, lo sợ.

Cách đánh đặc biệt của ông Hai Cà ngày càng phát huy vai trò quan trọng trong việc kiến tạo nên những trận đánh thắng địch để cổ vũ phong trào cách mạng cũng như uy hiếp làm lung lay tinh thần chiến đấu của quân địch vì nó hoàn toàn phù hợp với điều kiện vũ khí còn nhiều thô sơ trên chiến trường miền Đông Nam bộ của quân và dân ta lúc bấy giờ. Điều đó lại được khẳng định trong loạt trận đánh các đồn bốt dọc đường 16 vào tháng 4 năm 1950 theo chủ trương của Khu bằng lực lượng Liên Trung đoàn 301 - 310. Trong đó, Tiểu đoàn 303 phụ trách đánh chi khu Tân Uyên. Đại đội Bạch Đằng đánh tua cầu Rạch Tre. Tiểu đoàn 306 đánh tua cầu Tổng Bản. Tiểu đoàn 302 đánh tua Sáu Biện. Còn huyện đội Tân Uyên đánh tua cầu Bà Kiên để chặn viện trợ của địch từ Tân Ba lên.

5. Đánh tua cầu Bà Kiên: lấy ít địch nhiều

Theo đó, kế hoạch đánh tua cầu Bà Kiên được huyện đội phó Hai Cà vạch ra như sau: dùng mìn FT đánh thủng một lỗ vào tháp canh sau đó quăng dầu hôi kết hợp với lựu đạn chùm đã gài sẵn. Nếu lựu đạn chưa kịp nổ thì sẽ quăng bổ trợ thêm lựu đạn từ ngoài vào.

Kế hoạch được đồng chí Bùi Cát Vũ, Tỉnh đội Biên Hòa đồng ý. 12 giờ đêm, khi lực lượng của huyện đội Tân Uyên còn chưa kịp tiến đến vị trí tháp canh Bà Kiên thì các đơn vị bộ đội khác đã nổ súng nổ râm rân, liên hồi. Mặt khác, trong quá trình đột nhập lần này, vì đảm bảo yếu tố bí mật nên thùng dầu và chùm lựu đạn gài buộc phải để bên ngoài. Ông và đồng đội chỉ đem theo 2 trái lựu đạn FT và pêta. Vừa tiến gần tháp canh thì ông và đồng đội đã bị tên lính gác phát hiện ngay từ đầu. Chúng còn chế nhạo ông là dùng loại đạn điên điên nổ kêu “chọc, chọc”,

đồng thời hối ông về vì đánh chắc chắn “không ăn đâu, đừng đánh nữa”. Đồng đội đi cùng bắn khoản hỏi ông liệu có nên đánh tiếp hay lui về.

Không hề đắn đo, ông quyết định tiếp tục liều đánh vì đó là danh dự của người lính ra trận. Và đúng như ông dự đoán, tên lính chỉ nói bâng quơ để tự trấn an tinh thần khi thấy bộ đội ta tiến đánh các đồn bốt chung quanh. Sau 1 giờ tiềm nhập im lặng, ông ra lệnh cho đồng đội đi cùng mang trái lựu đạn FT vào, châm điện, ném vào tháp canh. Một tiếng nổ “ầm” vang lên, toàn bộ tháp canh cầu Bà Kiên chỉ còn đống gạch ngổn ngang, 16 tên lính canh chết tại chỗ. Ông và đồng đội thu được 16 cây súng và nhiều vũ khí khác. Trời gần sáng, trong khi ông và đồng đội đã đánh xong rút về an toàn thì các tiểu đoàn 302 và 306 vẫn nổ súng “ì xèo”. Theo lời ông kể, tiểu đoàn 302 dùng hỏa lực mạnh tiến công khiến lính trong tua Sáu Biện không chịu nổi phải đầu hàng nhưng lợi dụng đêm tối, chúng trốn hết, ta không bắt được tên nào cũng chẳng thu được súng. Tiểu đoàn 306 đánh tua cầu Tổng Bản bằng súng phòng lựu đạn cũng không thành. Đại đội Bạch Đằng đánh tua cầu Rạch Tre không được cũng phải rút. Tiểu đoàn 303 triển khai đội hình trong rừng sát chi khu Tân Uyên nhưng bị lộ nên cũng thất bại.

Như vậy trong kế hoạch đánh các trận dọc đường 16 của Khu đêm ngày 18 – 4 – 1950 thì chỉ có Trung đội của huyện đội Tân Uyên là giành được thắng lợi, đánh sập tua cầu Bà Kiên lần hai, thu 16 súng, nhiều đạn dược và lựu đạn nhờ giữ được yếu tố bí mật, bất ngờ và sáng tạo. 21 Sau trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên thắng lợi, Tỉnh đội Biên Hòa và Bộ Chỉ huy Khu 7 đã nhiệt liệt biểu dương, khen thưởng cho Đội du kích Tân Uyên và cá nhân Đội trưởng Trần Công An đồng thời đánh giá: "Trận đánh cầu Bà Kiên đã mở ra một hình thức tác chiến mới, dựa vào dân, nắm chắc địch tình, nắm chắc mục tiêu và cách bố phòng của chúng, chỉ dùng lực lượng rất ít đánh lực lượng đông, với ý chí chiến đấu và tinh thần dũng cảm, gan dạ, mưu trí tấn công bất ngờ khiến địch trở tay không kịp. Qua kinh nghiệm

này, ta có khả năng đánh phá đồn bót của địch nhiều nơi ở chiến trường miền Đông Nam bộ".



Hình ảnh Di tích trận đánh cầu Bà Kiên được trưng bày tại Bảo tàng Đồng Nai

Phát huy thắng lợi giòn giã ở trận cầu Bà Kiên và trận tua Vàm Giá nhờ cách đánh đặc công, xuyên suốt tháng 5 năm 1950, Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa do ông Hải Cà làm Đại đội trưởng đã chia thành nhiều tổ, trang bị mìn FT và Pêta tổ chức đi điều nghiên, đánh các tua dọc đường 12, 14, 16. Nếu lọt vào tua nào chủ động đánh tua đó. Riêng đợt này, đơn vị ông đã đánh 19 tua, bốt thu 150 súng. Chiến thắng liên tiếp của ta khiến bọn địch quanh chiến Đ chao đảo. Chiến thắng tháp canh cầu Bà Kiên lần hai và chiến thắng tua Vàm Giá góp phần hoàn thiện thêm kỹ thuật đánh đặc công lên một bước mới và được phổ biến rộng rãi. Đặc biệt, từ sau trận đánh bót tại Thủ Dầu Một, một chiến sỹ bộ binh đã sử dụng kỹ thuật đặc công, đặt mìn đánh cứ điểm địch. Đây được xem như một bước phát triển mới đầy sáng tạo của kỹ thuật đánh đặc công khi biết kết hợp với bộ binh. Từ tháng 6 đến tháng 9 năm 1950, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh đội Biên Hòa và Quân khu 7, hơn 300 du kích

xã trong vùng đã được lựa chọn kỹ chia thành 50 tổ tham gia đợt huấn luyện bí mật kéo dài 3 tháng ở khu vực Mã Đà (chiến khu Đ). Sau đó, lực lượng này được thực tập cách đánh tại nhiều nơi, thu những thắng lợi giòn giã. Cụ thể như: 1 tổ đặc công do Huyện đội Phó Tạ Văn Tạo huấn luyện ở Bà Rịa, tham gia đánh sập 3 tháp canh tại Phú Mỹ Hưng, 3 tổ đặc công do Đại đội trưởng Hai Cà huấn luyện ở Thủ Đức, vừa tham gia đánh sập 3 tháp canh và 1 bót. Đội huấn luyện ở Mỹ Tho cũng tổ chức đánh thắng bót Máy Đèn. Trong chiến dịch Bến Cát tháng 10 năm 1950, 1 trung đội của Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa đã chia thành 4 tổ tiêu diệt 4 tua trên lộ 7 và lộ 14, thu 24 súng cùng nhiều đạn dược và chiến lợi phẩm. Riêng bộ phận ở nhà đánh sập các tháp canh lớn tại xã Bạch Đằng, bót Cao Đài tại xã Tân Hạnh, tháp canh trên đường 10... Có thể nói, từng bước, cách đánh đặc công đã phá vỡ từng mảng lớn tua bót ở nhiều vùng Đông Nam bộ trong khoảng thời gian cuối năm 1950.

Tại hội nghị tổng kết chiến dịch Bến Cát mở rộng tháng 11 năm 1950, cách dùng mìn và thủ pháo bí mật vào đánh đồn địch bằng lực lượng nhỏ được Bộ tư lệnh Quân khu 7 đặt tên gọi là cách đánh “đặt công”, nghĩa là bí mật đặt mìn công phá tường. Nhưng do cách phát âm của người dân Nam bộ nên chữ “đặt” đọc và viết thành chữ “đặc”. Sau này cách đánh đặc công được gọi là “công đồn đặc biệt”, nói gọn là “đặc công”. Từ đây, cách đánh này được mở rộng trong toàn miền, phát huy hiệu quả đặc biệt góp phần từng bước đánh bại chiến thuật tháp canh của quân đội Pháp trên đất Nam bộ. Từ kỹ thuật đặc công đánh tháp canh, sau này bộ đội và du kích đã sáng tạo thêm kỹ thuật đánh đặc công nước, đặc công biệt động. Đồng thời, trong một hội nghị quân sự, đại đội Nguyễn Văn Nghĩa của lực lượng vũ trang Biên Hòa là Đại đội đặc công đầu tiên chính thức ra đời.

Sau khi giành thắng lợi trong trận đánh tua An Chử (cù lao Bình Chánh) nhưng bị tổn thất về sinh lực và liên tiếp đánh các tua ở vùng sâu như tua cầu Thầy

Kiên, tua cầu Lá Bông, tua cầu Thủ Huồng, tua Rạch Sỏi, tua cầu Hang... thì Đại đội trưởng Hai Cà thấy rằng, cần phải bàn bạc với anh em trong đơn vị, rút kinh nghiệm trong quá trình đánh bót, tháp canh. Để không bị thất bại, trước khi đánh bất cứ nơi nào cũng cần điều nghiên, tìm hiểu kỹ, vận dụng sáng tạo cách đánh với từng đối tượng. Nếu không thì sẽ không thể giành được thắng lợi. Đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm Ông tổ đặc công Trần Công An 23 Giữa năm 1951, Trung ương cục miền Nam phân chia lại chiến trường Nam bộ thành hai phân liên khu: miền Đông và miền Tây (lấy sông Tiền làm ranh giới). Tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một sáp nhập lại thành tỉnh Thủ Biên. Ngày 11 – 6 – 1951, một bộ phận của Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa đã phối hợp cùng đội biệt động Thủ Biên và bộ phận đại đội Lam Sơn đánh bót Long Điền. Nơi trung đội lính ngự thuộc “lực lượng cơ động bảo vệ công giáo” đóng giữ để án ngữ phía đông căn cứ Bình Đa, tiến hành lần chiếm phía nam vùng căn cứ kháng chiến huyện Vĩnh Cửu. Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa có kế hoạch tấn công 4 lô cốt, diệt tên lính gác trên nóc bót. Chỉ trong 10 phút, ta đã giành thắng lợi, tịch thu toàn bộ vũ khí của địch đồng thời phá tan âm mưu lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng vùng ven Biên Hòa. Tháng 7 năm 1951, tỉnh đội lại sử dụng Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa với 25 thành viên tiêu biểu, phối hợp đánh diệt yếu khu Trảng Bom, tham gia vận động quần chúng giác ngộ cách mạng...

6. Những lần gặp Bác

Sau những trận đánh tháp canh bằng chiến thuật... quân dù, lựu đạn, dao găm, mà sau này gọi là chiến thuật "đặc công", tháng 4 năm 1952, ông Trần Văn Kìa lúc đó là Đại đội trưởng Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa được rút về làm Huyện đội phó Lái Thiêu, rồi lên Phòng tham mưu Tỉnh đội Thủ Biên. Trong một cuộc họp kiểm điểm, Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Quang Việt nhận xét về ông: "Ưu điểm của đồng chí là dũng cảm, mưu trí, dám nghĩ dám làm; đánh thắng giặc nhưng ít được

học...". Theo chủ trương của Tỉnh ủy, đoàn cán bộ của tỉnh Thủ Biên gồm 42 người trong đó có ông Kìa sẽ ra Bắc "học nâng cao trình độ để đạt kết quả công tác cao hơn". Vượt suối trèo non hàng ngàn cây số bằng nhiều phương tiện, cuối năm 1952 đoàn ra tới Bắc.

Gặp Đại tướng Võ Nguyên Giáp, các ông kể lại chuyện đánh tháp canh, công đồn bằng chiến thuật đặc công, được Đại tướng khen là chiến thuật mới. Trong một lớp học chính trị ở vùng cao Đông Bắc, đoàn vinh dự được Bác Hồ đến động viên, thăm hỏi. Hôm đến, Bác hỏi đoàn miền Nam ngồi ở đâu, rồi Bác bảo lên trên ngồi gần Bác để Bác có dịp gần gũi miền Nam. Đó là lần đầu tiên ông Hai Kìa được gặp Bác. Kết thúc khóa học về chiến tranh du kích tại An toàn khu ở Việt Bắc, ông Hai Kìa được gặp Bác lần thứ hai và vinh dự được tặng thưởng 1 huy hiệu của Bác cùng bộ quần phục kaki mới vì thành tích học tập xuất sắc.

Cuối năm 1953, đoàn cán bộ tỉnh Thủ Biên này chuẩn bị vào Nam trở lại. Từ lúc này ông Hai Kìa có bí danh là Hai Cà. Tháng 7 năm 1954, vừa về đến chiến khu Đ, ông Hai Cà được cử làm Huyện đội phó Tân Uyên (nay thuộc tỉnh Bình Dương) rồi được phong làm Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn B. Tiểu đoàn gồm 2 đại đội bộ đội địa phương, 1 đại đội binh công xưởng, 1 đại đội quân y. Chỉ kịp gặp mặt vợ một lần thoáng qua, dặn vợ ở nhà không được để cho con đi lính nguy thì ông Hai Cà lại vội vã tập kết ra Bắc theo Hiệp định Giơ-ne-vơ. Trải qua suốt 4 năm học tập, lao động tại miền Bắc (1954 - 1957), trước tình thế đất nước bị chia cắt lâu dài, không thể thực hiện thống nhất như Hiệp định Giơ – ne –vơ, trong ông luôn đau đáu, khắc khoải, cồn cào 1 nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương, “chỉ ước được như chim có đôi cánh bay về dù chỉ một ngày”.

Nhưng nhờ chuẩn bị vững trước về tư tưởng chính trị, cộng thêm nhiệm vụ học tập nặng nề cũng giúp ông vui bớt phần nào nỗi nhớ quê hương. Năm 1958, Sư đoàn Bộ binh 338 được thành lập, do tướng Tô Ký làm Sư đoàn trưởng. Sư đoàn

này sau đó tách ra một bộ phận nâng lên thành Lữ đoàn 338; Còn lại 4 Trung đoàn gồm Trung đoàn 1 (phiên hiệu 656), Trung đoàn 2 (phiên hiệu 658), trung đoàn 3 (phiên hiệu 660) và trung đoàn 4 (phiên hiệu 664) tham gia hoạt động sản xuất. Ông Hai Cà được đề cử giữ chức Tham mưu trưởng kiêm quyền Trung đoàn trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy Trung đoàn 1. Cũng trong năm này, Quân đội ta tổ chức đợt phong quân hàm đầu tiên cho lực lượng vũ trang và ông Hai Cà vinh dự được phong hàm đại úy. Đặc công cắt hàng rào dây thép gai của địch trong kháng chiến (Nguồn: quocphonganninh.edu.vn) Tháng 10 năm 1960, ông được điều động về công tác tại Trường huấn luyện cán bộ miền Nam. Lúc này ông Hai Cà lại chuyển từ công tác sản xuất sang công tác huấn luyện bộ đội chiến đấu, chuẩn bị lực lượng chủ lực khung cho chiến 25 trường miền Nam. Kết thúc khóa học, ông lại được vinh dự gặp Bác Hồ thêm một lần nữa khi đoàn huấn luyện của ông chuẩn bị về Nam.

Bắt tay ông, Bác nói: "Các chú lên đường trở về Nam vui vẻ, bình an, chiến thắng. Bác gửi lời thăm đồng bào, chiến sĩ Nam Bộ".

Những lần gặp Bác, được Bác thăm hỏi, chỉ dạy ân cần, ông Hai Cà không bao giờ quên. Ông đã mang những lời dạy của Bác vào nhiệm vụ công tác của bản thân để răn mình luôn hoàn thành nhiệm vụ tổ chức giao phó để rồi làm nên những chiến công lẫy lừng từ chiến thắng sân bay Biên Hòa, đốt cháy tổng kho Long Bình đến lãnh đạo gần 4.000 nam, nữ thanh niên đảm bảo công tác hậu cần cho chiến trường miền Nam trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

7. Lui về sau sản xuất

Nhắc đến Đại tá Trần Công An, người ta thường nhắc đến ông với những chiến công vang dội cùng cách đánh đặc công độc đáo. Ít ai biết rằng, ông không chỉ giỏi trên mặt trận trực tiếp cầm súng đánh giặc mà còn hoàn thành xuất sắc vai trò người lãnh đạo trên mặt trận sản xuất, phục vụ công tác hậu cần trong chiến

tranh bảo vệ tổ quốc. Cuộc đời ông đã đi suốt chiều dài qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ vĩ đại cùng quân, dân Biên Hòa. Có thể khẳng định rằng, với bất kỳ nhiệm vụ công việc nào được giao, ông cũng thực hiện bằng cả tấm lòng yêu nước nồng nàn, không vụ lợi, luôn hoàn thành xuất sắc công việc.

Sau hơn 5 tháng hành quân, nhờ công tác giữ bí mật tốt nên ngày 20-7-1961 đoàn của ông Hai Cà an toàn về tới Trung ương Cục ở Tà Be - Mã Đà. Trên có ý định giữ ông ở lại Cục để sản xuất, dự trữ lương thực cung ứng cho bộ đội. Nghe phân công vậy, ông cự: "Tôi dẫn khung trung đoàn về đây với nguyện vọng là đánh giặc. Chứ nếu sản xuất thì tôi làm Chủ tịch Nông trường Chi Nê, Lạc Thủy (tỉnh Hòa Bình) chớ về đây làm chi".

Trong chiến tranh, công tác sản xuất, công tác hậu cần là nhiệm vụ khó khăn đặc biệt. Nó là túi lương thực đảm bảo cho tiền tuyến “ăn no” yên tâm đánh giặc. Tuy nhiên, đây là công tác thầm lặng, ít ai biết, việc đảm bảo đủ lương thực cho lực lượng bộ đội, du kích cả chiến trường Đông Nam bộ có đủ cái ăn nhất là trong điều kiện muôn vàn khó khăn thời kỳ chiến tranh do sự phá hoại của kẻ thù quả là điều không dễ dàng. Nhận nhiệm vụ mới với 6 cơ sở quanh chiến khu Đ và 200 quân, đơn vị sản xuất của ông lấy phiên hiệu U.50. Đầu năm 1962, đơn vị ông nhận thêm 200 quân của Miền giao nhưng ngặt nỗi 60% quân số là nữ, số nam thanh niên còn lại có lý lịch không tốt. Vì vậy, nhiệm vụ của ông cùng Đảng ủy đơn vị là hết sức nặng nề khi nhận trách nhiệm phải giáo dục chính trị tư tưởng tốt để họ ổn định sản xuất.

Sau năm đầu, đơn vị ông đã mở rộng diện tích canh tác từ 40 mẫu lên 250 mẫu. Lương thực trồng ra gồm lúa, mì, bắp sản lượng không những đủ ăn mà còn dư thừa để cấp phát cho các đoàn công tác ngang qua. Dụng cụ sản xuất khi ông mới bắt đầu về nhận nhiệm vụ thiếu đủ đường nhưng 1 năm sau đã có đủ sản xuất cho cả ngàn mẫu đất.

Bước sang đầu năm 1963, ông Hai Cà được cử phụ trách Bí thư kiêm đoàn trưởng Đoàn U.81 hậu cần kiêm đảng ủy viên hậu cần Miền. Trước yêu cầu phải có đủ gạo dự trữ đảm bảo để nuôi quân chủ lực, ông Hai Cà hết sức băn khoăn vì lực lượng hậu cần vẫn phải vác gạo di chuyển thủ công bằng sức người và xe bò. Làm như vậy, “nuôi mình và đường dây ăn còn chưa đủ, chớ đừng nói tới nuôi chủ lực”.

Ông nảy sinh sáng kiến cho lực lượng du kích ra đường 14 tổ chức đánh chặn, lấy xe Reo (một loại xe vận tải) về đóng thùng chở gạo; lấy xe ủi về mở đường; đồng thời trên đường vận chuyển lượng thực của quân kháng chiến từ chiến khu ra vùng xung quanh, tổ chức đặt kho dự trữ ở giữa đường. Với cách làm trên, đến cuối năm 1963, đoàn U.81 đã có trong tay trên 1.000 tấn gạo còn bắp, mì thì nhiều vô số kể. Đối với thực phẩm tươi như thịt, đơn vị ông cho mở rộng đàn heo bằng cách với số tiền được cấp phát mua heo giống về thả ra rừng để tăng đàn.

Ngoài ra tranh thủ nguồn lợi thủy sản sẵn có trong rừng, tổ chức đánh bắt cá phơi khô làm thức ăn lâu dài. Bằng những cách làm sáng tạo, huy động đoàn kết trong 28 toàn đơn vị, đoàn U.81 đã sản xuất tốt mọi mặt, đời sống cán bộ, chiến sĩ đảm bảo. Mặc dù sản xuất ổn định nhưng trách nhiệm của người đứng đầu với công việc, mỗi quý, ông Hai Cà lại dành một tháng đi kiểm tra lần lượt tất cả đại đội sản xuất, về nhà sơ kết, uốn nắn chỉ đạo nơi làm chưa tốt. Hiệu quả sản xuất cao khiến chị em phụ nữ trong đoàn U.81 vẫn được mọi người gọi yêu “con gái ông Hai Cà”. Dưới tài thao lược của đoàn trưởng Hai Cà, phục vụ cho hoạt động trữ gạo và nhu yếu phẩm cho chiến trường, đoàn U.81 có tới 6 chiếc xe Reo, 1 máy ủi, 2 đại đội vận tải, 1 đại đội thu mua, 1 trung đội lái xe.

U.81 có xưởng sửa chữa vũ khí, sản xuất mìn định hướng ĐH.10, giữ và bảo vệ kho súng đạn ở Bàu Lùng. Đoàn còn có 3 bệnh viên quân y, sau này mở trường đào tạo y tá, y sĩ, dược sỹ. Không những vậy, nắm rõ phương châm dựa vào dân kháng chiến, đoàn của ông còn hỗ trợ đồng bào dân tộc ít người trong khu kháng

chiến muối, gạo và hướng dẫn họ làm nương rẫy. Đồng thời nhờ bà con đảm bảo an ninh, phòng gian, phòng gián tòng khu vực. Mỗi quan hệ quân dân được ông xây dựng tốt đẹp, nên “bà con sẵn lòng san sẻ chút gạo, nắm rau, miếng thịt rừng nuôi mấy con nhỏ”. Cuối tháng 8 đầu tháng 9 năm 1963, lực lượng mạnh và hiện đại của Sư đoàn 18 nguy mở trận càn lớn vào chiến khu Đ. Với mục đích lùng sục đánh phá kho tàng vùng căn cứ, phá hoại mùa màng của người dân hỗ trợ chính sách ấp chiến lược trong kế hoạch Xtalay – Taylo, bộ binh địch với sự yểm trợ của máy bay quân sự, xe tăng, thiết giáp, pháo binh đổ bộ từ Đồng Xoài vào vùng căn cứ kháng chiến. Để đối phó lại, Đại đội 9 cơ động của U.81 đã chôn mìn đánh xe tăng và dùng mìn ĐH.10 đánh chặn bộ binh địch. Bên cạnh đó, khi chúng tiến vào kho, xưởng thì các đơn vị sản xuất, vận tải sẵn sàng chiến đấu, đánh trả quyết liệt khiến chúng phải nhanh chóng thoái lui sau 1 tháng tổ chức càn.

Kết quả, U.81 vẫn giữ vững hệ thống kho tàng, bệnh viện, trạm xá; tồn thất vật chất và sinh lực không đáng kể. Tuy nhiên, bản thân đoàn trưởng Hai Cà cũng hết sức suy nghĩ khi chứng kiến cảnh thiếu thốn lương thực phải ăn rau rừng thay cơm của lực lượng kháng chiến lúc địch tổ chức càn quét, chặn đường tiếp tế dù lương thực dự trữ nhiều. Ông thấy, trách nhiệm của đoàn hậu cần U.81 là bảo vệ căn cứ, phát triển sản xuất nhưng nếu cứ để địch đánh vào thì quá thụ động chỉ bằng chủ động tổ chức đánh địch trước để mở rộng vùng kháng chiến. Nghĩ là làm, ông bàn với anh em trong đoàn cùng lực lượng địa phương T.1 tổ chức phá ấp chiến lược, lấy súng, liên tiếp đánh sập bót 11 khu vực Bù Na, bót Tà Lài, bót Bình Mỹ... Những trận thắng này tuy không thu nhiều vũ khí nhưng có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn giữa vùng kháng chiến với nhân dân và khu miền Đông.

Sau trận càn của địch, bên cạnh việc tổ chức đánh địch, đảm bảo giao thông an toàn, đoàn U.81 thực hiện nhiệm vụ khôi phục hoạt động sản xuất. Có một điều

hết sức thú vị, trong vai trò trưởng đoàn hậu cần, Đoàn trưởng Hai Cà đánh đầu thắng đầu, sản xuất đầu tốt đầu nhưng ông lại không hề biết cách tính khối lượng sản phẩm lương thực đơn vị làm ra.

Mãi sau này, theo chỉ dẫn của cấp trên, ông mới “vỡ ra” cách ước tính sản lượng theo gốc mì để có căn cứ sản xuất chính xác hơn. Sang năm 1964, quân số đoàn U.81 tăng lên 2.500 người (nhưng chỉ có 1.000 là nam giới), đơn vị được phát thêm 200 mẫu rẫy mới cộng với 1.000 mẫu khoai mì cũ. Đơn vị của ông được giao trách nhiệm cấp gạo dự trữ cho bộ đội trên đường hành quân mở chiến dịch Bình Giã. Cuối năm 1964, đoàn hậu cần U.81 từ sản xuất chuyển nhanh sang chiến đấu, đồng thời lực lượng của đoàn cũng chia thành nhiều đơn vị có chức năng khác nhau. Tại hội nghị hậu cần năm 1964, tướng Trần Văn Trà, Tư lệnh Quân giải phóng Miền đã phải khen đoàn trưởng Hai Cà có tư tưởng chủ lực mạnh và sau này Bí thư Trung ương Cục miền Nam Phạm Hùng cũng phải nhắc nhở “phải học tập cha Hai Cà, ở rừng mà heo đầy đàn, mì đầy rẫy, kho đầy gạo”.

Cũng tại hội nghị này, nhờ tướng Lê Đức Anh biết tài đánh "đặc công" và là “thỏ thần” ở Biên Hòa của Hai Cà nên đã can thiệp cử ông xuống Biên Hòa đánh trận.

Tháng 5 năm 1973, sau trực tiếp tham gia có, chỉ huy bộ đội các đơn vị đặc công đánh có liên tiếp giành những thắng lợi vang dội trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ông Hai Cà lại được Cục tham mưu Miền giao làm Trưởng phòng công tác hậu cần. Lần này thì ông chấp hành ngay không thắc mắc bởi tin tưởng ở sự chỉ đạo của Trung ương Cục và Quân ủy Miền. “Là anh nông dân đi kháng chiến, làm nhiệm vụ nào thì cũng về vang”. Nhiệm vụ của ông cùng đơn vị mới lúc này là chỉ đạo quân chủ lực, bộ đội địa phương tự túc sản xuất trong vòng 3 tháng, đảm bảo có lương thực chuẩn bị cho chiến dịch cuối cùng. Đầu năm 1974, ông Hai Cà được phong Tư lệnh phó đoàn hậu cần 600, có nhiệm vụ ra Bắc huy

động nhân, tài, vật lực để phục vụ cho chiến dịch lớn ở miền Nam. Đến cuối năm 1975, ông Hai Cà lại được Bộ Tư lệnh Miền phân công thành lập Đoàn La Ngà, gồm quân số của 6 trung đoàn: Đoàn hậu cần 220, 230, Trung đoàn Đặc công 116, Trung đoàn 4, Trung đoàn 5.

Đoàn La Ngà có nhiệm vụ vừa tự túc sản xuất vừa đánh bọn Fulro, bảo vệ biên giới các tỉnh thuộc Quân khu 7 và Quân khu 5. Khi chiến tranh biên giới Tây Nam nổ ra, Bộ chỉ huy Đoàn La Ngà chuyển thành Bộ Tư lệnh mặt trận 479 và đưa qua Campuchia. Ông Hai Cà được 30 điều động về Cục xây dựng kinh tế Quân khu 7, phụ trách quyết toán sản xuất cho đoàn La Ngà. Và đến năm 1980 thì ông nghỉ hưu khi bước vào tuổi 60. Vậy là cả cuộc đời ông đã cống hiến cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Trải qua hai cuộc kháng chiến, dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, gian khổ đến mức phải ăn rau cầm hơi nhiều ngày, Đại tá Trần Công An vẫn luôn nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ với kết quả tốt nhất. Với lòng yêu nước nồng nàn, ý chí căm thù giặc sâu sắc, với ông nhiệm vụ nào thì cũng đều vinh dự vẻ vang, cần phải hoàn thành xuất sắc cả. 31 IV. Trực tiếp chỉ huy những trận đánh rung chuyển nhà trắng Như đã từng đề cập, cuối năm 1964 sau thời gian làm công tác hậu cần, nhờ tướng Lê Đức Anh can thiệp, ông Hai Cà lại trở về đánh giặc.

Tháng 2 năm 1965, Khu ủy miền Đông ra chỉ thị thành lập Thị đội Biên Hòa, đoàn trưởng hậu cần Hai Cà giờ được giao làm Thị đội trưởng. Thị đội Biên Hòa lúc này có nhiệm vụ nghiên cứu đánh vào hậu cứ địch với các mục tiêu được xác định cụ thể: kho tàng, sân bay Biên Hòa, cầu, ty cảnh sát... kết hợp tổ chức cơ sở du kích mật trong nội ô nắm tình hình, đồng thời tham gia diệt ác phá kềm ở vùng ven tạo căn cứ làm bàn đạp; xây dựng lực lượng cơ sở chính trị vững chắc làm nền để bám trụ chiến đấu. Ở khu công nghiệp Biên Hòa, Thị ủy phải lãnh đạo công nhân, lao động đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ; trong nội ô thì đẩy mạnh công tác binh vận, chống bắt lính và lựa chọn thành phần cốt cán cho phong trào đấu tranh

đô thị. Lúc này, trong vai trò là Thị đội trưởng thị đội Biên Hòa, vừa trực tiếp tham chiến, ông vừa là người lập kế hoạch tác chiến, chỉ huy chiến sĩ đặc công tung “những cú đấm tử thần” vào các căn cứ tương chừng bất khả xâm phạm của quân đội Mỹ.

8. Đánh sân bay Biên Hòa: uy danh lừng lẫy khắp năm châu

Trước yêu cầu thực hiện nhiệm vụ mới, Thị đội Biên Hòa chia làm 3 đội: trong đó 1 đội chuẩn bị đánh sân bay Biên Hòa, 1 đội chuẩn bị đánh cầu xa lộ và 1 đội chuẩn bị đánh cầu Hóa An. Số còn lại phụ trách giao liên, hậu cần, liên lạc, quân y... Căn cứ Thị đội đặt tại suối Đá Mài (Bà Bưởi, Phước Cang). Lúc này chiến sự bắt đầu khốc liệt. Trước nguy cơ phá sản hoàn toàn chiến lược chiến tranh đặc biệt, Mỹ tăng quân ồ ạt, chuyển sang thực hiện chiến lược chiến tranh cục bộ. Quân cách mạng mở nhiều chiến dịch và đánh thắng giòn giã ở chiến trường Ba Gia, Đèo Nhông, Bình Giã, Plây-me, Đức Cơ, Đồng Xoài... Những năm 1965, thực hiện chiến lược chiến tranh cục bộ, miền Đông Nam bộ đã trở thành căn cứ hùng hậu của quân đội Mỹ với các sư đoàn bộ binh số 1 “Anh cả đỏ”, sư đoàn bộ binh cơ giới số 25 “Tia chớp nhiệt đới”, tổng kho liên hợp 32 Long Bình, sân bay quân sự Biên Hòa... Để bảo vệ những trọng điểm này, quân đội Mỹ ngoài sử dụng biệt kích tinh nhuệ còn có các phương tiện điện tử hiện đại kết hợp cùng “truyền thống” như chó béc giê, ngỗng, rắn và hàng chục lớp rào thép, bẫy mìn. Ban đầu chúng đã huênh hoang tuyên bố: “Con chuột nhất mà muốn vào được những nơi này cũng phải xin phép lính Mỹ”.

Tuy nhiên, với một đất nước của “những người chưa bao giờ khuất”, nơi sinh ra chí trai chân cứng đá mềm thì tất cả những mưu đồ đen tối của quân cướp nước cũng đều bị hoá giải. Bằng chứng là trước những “cú đấm tử thần” của bộ đội đặc công đã buộc chúng phải đổi lại câu nói “những nơi này đã bị Việt cộng bỏ túi”. Ông Hai Cà kể, càng về sau kỹ thuật bố phòng quân sự càng hiện đại, đặc biệt là

quân đội Mỹ. Tuy nhiên, người lính đặc công không có giới hạn cuối cùng nào là không thể vượt qua, mà đôi khi những bài học xương máu này lại được nhân dân chưa bao giờ cầm súng truyền dạy. Chính đồng bào đã chỉ ông cách “làm ngỗng phải phục đầu” bằng những vốc hành giả mùi rắn hổ. Còn chó béc giê thì có rất nhiều cách để qua mặt như tắm rửa thật sạch, phơi sương, xoa bùn, thậm chí tắm cả loại xà bông lính Mỹ hay dùng. Đặc biệt, đặc công còn biết nướng thịt bò tẩm bơ theo đúng kiểu Mỹ rồi nhẹ nhàng thả vào cho chó tấp. Hàm răng vừa ngấp vào miếng thịt thì chớp mắt một mũi dao găm đã hạ gục chúng trong khi chúng còn chưa kịp sửa tiếng nào. Thực hiện chủ trương chỉ đạo đánh vào khu trọng yếu của Mỹ ở Biên Hòa của Miền, Thị đội Biên Hòa lên kế hoạch chọn sân bay Biên Hòa là mục tiêu tấn công. Để đảm bảo kế hoạch đánh địch thắng lợi và thực hiện tốt yêu cầu nhiệm vụ mới, Thị đội trưởng Hai Cà một mặt chỉ đạo cơ sở mật lấy cấp bản đồ sân bay Biên Hòa để xác định vị trí nơi máy bay đậu, kho, bồn xăng, sở chỉ huy, đài quan sát... mặt khác đích thân ông trực tiếp lăn lộn trên chiến trường, tham gia điều nghiên “sờ tận tay, nhìn tận mắt” các điểm mục tiêu.

Nhiều lúc thấy nguy hiểm, đồng đội ngăn ông lại nhưng là thủ trưởng “tôi phải nắm chắc địa bàn” thì mới có thể chỉ đạo thích hợp, đảm bảo đánh trúng khi nghe trinh sát sau này báo cáo, ông Hai Cà khẳng định. Đầu tháng 5 năm 1965, Lữ đoàn 173 của Mỹ đổ quân vào Biên Hòa, tiếp theo là 1 tiểu đoàn lính Úc, 1 đại đội pháo Tân Tây Lan. Địch nhanh chóng xây dựng Tổng kho Long Bình, sân bay Biên Hòa thành kho tàng lớn nhất trên chiến trường miền Nam. Đồng thời tiến hành nhiều đợt càn quét nhằm đẩy lực lượng kháng chiến vào sâu trong rừng. Những vị trí đặt pháo trước kia của ta trong trận đánh vào sân bay Biên Hòa cuối năm 1964 nay trở thành vị trí đặt pháo của địch. 33 Về phía ta, Bộ chỉ huy Quân sự Miền xác định sân bay Biên Hòa là mục tiêu tấn công quan trọng nhất.

Thực hiện chủ trương của Miền sẽ tổ chức trận pháo kích thứ 2 vào sân bay Biên Hòa với quy mô, số pháo và đạn lớn gấp 3 lần trận đầu. Quân đặc công của Thị đội trưởng Hai Cà có nhiệm vụ bò vào sân bay trinh sát tọa độ, mục tiêu, đưa lên bản đồ. Sau khi nhận thấy các vị trí đặt pháo gần đã bị địch sử dụng, nếu đặt pháo khác vị trí xa hơn thì e rằng pháo sẽ khó bắn chính xác vào mục tiêu. Ông Hai Cà đề nghị, chuyển trận địa pháo qua phía Tây Nam sân bay Biên Hòa; hệ thống pháo đặt kéo dài từ trại cát Hóa An lên đến đồi Khánh Vân. Cụ thể, tại điểm Hóa An sẽ đặt 2 khẩu cối 82 mm, ga Bình Trị đặt 2 khẩu ĐKZ.75, đồi Khánh Vân đặt 2 “hoàng tử lưng gù” – sơn pháo 75 mm, bìa sông xã Thạnh Hội đặt 2 sơn pháo 75 mm, ngoài ra còn có 1 trận địa pháo 2 khẩu ĐKZ.75 ở hóc Bàu Hang, ngay sát nách sân bay, một trận địa giả ở Tân Tịch. Lực lượng trinh sát đặc công trong kháng chiến. Phương án đánh trận được thông qua, tuy nhiên khó khăn lúc này là làm sao đưa pháo an toàn vào đến trận địa.

Với sự trợ giúp tích cực từ du kích và nhân dân yêu nước trong vùng, sau 3 ngày, pháo cũng được đưa về trận địa an toàn. Ngày 20 – 8 - 1965, đích thân tướng Chu Huy Mân chỉ huy trận địa pháo. Đúng 0 giờ ngày 23 – 8 - 1965 pháo ta đồng loạt nã dồn dập 300 quả đạn trong 15 phút vào các mục tiêu trong sân bay đã được đặc công Hai Cà chăm trước. Lửa trong sân bay bốc cao sáng rực một vùng. "Còi báo động sân bay hụ inh ỏi, cách xa hơn 2 cây số tôi còn nghe thấy", đại tá Trần Công An kể lại. 34 Kết quả trận này địch bị hư, cháy 68 máy bay các loại, 21 bồn xăng bị thiêu hủy, 8 dàn tên lửa đất đối không và 30 xe cam nhông bị đánh hỏng; khoảng 300 quân địch bị thương vong. Lại một lần nữa, quân Mỹ choáng váng trước sức tiến công bất ngờ, táo bạo của quân ta.

Sau trận đánh này, các đơn vị quân giải phóng được thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì; riêng ông Hai Cà được tặng thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba.

Tổ chức lập vành đai diệt Mỹ Những tháng cuối năm 1965, Mỹ mở rộng chiến tranh với cường độ ngày càng cao và quyết liệt hơn. Đầu tháng 9 năm 1965, Trung ương Cục và Quân ủy Miền quyết định thành lập một đơn vị chiến trường tương đương cấp tỉnh lấy tên U1, bao gồm thị xã Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu. Một số xã của huyện Long Thành cũng được cắt về Biên Hòa để mở rộng địa bàn. Bí thư U1 là đồng chí Nguyễn Văn Trị (Năm Hà). Ông Hai Cà là ủy viên thường vụ kiêm chỉ huy trưởng quân sự. Căn cứ U1 đặt tạm tại Bàu Lùng (phía sau núi Gang Tói).

Nhiệm vụ của đặc công U1 là nhanh chóng xây dựng phát triển lực lượng, huấn luyện nâng cao kỹ thuật chiến đấu, chống càn xây dựng bàn đạp tiến công các vị trí quan trọng của địch như Sân bay Biên Hòa, Tổng kho Long Bình và hỗ trợ phong trào quần chúng đánh phá bình định, phát triển chiến tranh nhân dân trên địa bàn (Địa chí Đồng Nai – Tập 3 Lịch sử, tr.319).

Vì vậy sau khi tổ chức đánh sân bay Biên Hòa giành thắng lợi, tổng kho Long Bình là mục tiêu thứ 2 được lực lượng đặc công Biên Hòa chọn đánh. Nhận nhiệm vụ mới, để chủ động lãnh đạo lực lượng vũ trang Biên Hoà chủ động đối phó với âm mưu mới của địch. Dựa trên những kinh nghiệm chiến đấu trong thời gian trước đó, nhận thấy rằng tuy đế quốc Mỹ tung tiền của và vũ khí hiện đại vào chiến trường miền Nam Việt Nam nhiều nhưng không hề đáng sợ. Tỉnh đội trưởng Hai Cà cho tổ chức nhiều hoạt động đánh địch ở 3 hậu cứ và ngay cả trung tâm thị xã Biên Hoà. Đồng thời trên cơ sở nhận định có thể địch sẽ tổ chức càn quét vùng căn cứ kháng chiến, ông cho lực lượng huấn luyện kỹ chiến thuật tác chiến, chờ địch đến là đánh.

Đúng như phán đoán của Tỉnh đội trưởng Cà, ngày 11 – 11 – 1965, Lữ đoàn 173 của Mỹ với sự yểm trợ của pháo, máy bay chiến đấu đã tổ chức càn quét khu vực đồi C4, gần căn cứ U.1. Do chủ động chuẩn bị từ trước, lực lượng vũ trang

Biên Hoà đã đẩy lùi cuộc hành quân của Mỹ, đồng thời còn tiêu hao nhiều sinh lực địch, khiến chúng khiếp sợ tháo chạy.

9. Chỉ huy đánh Tổng kho Long Bình

Trước âm mưu mở rộng chiến tranh xâm lược trên chiến trường miền Nam của Mỹ, đồng thời thực hiện chủ trương của Trung ương Cục và Quân uỷ Miền, mục tiêu Tổng kho Long Bình được Tỉnh đội trưởng Hai Cà mạnh dạn xác lập. Sau khi nghe ông Hai Cà đề xuất "đánh" mục tiêu này, tướng Trần Văn Trà suy nghĩ một chút rồi gật đầu đồng ý. Lí do mà ông chọn đánh tổng kho Long Bình chỉ đơn giản là nhớ câu chuyện vua nước Tàu vì để kho lương cho chuột ăn hết mà tự thua. Tổng kho Long Bình rộng khoảng 40 km² - kho đạn dự trữ lớn nhất của Mỹ ở miền Nam Việt Nam – nơi được quân đội Mỹ mệnh danh là “dạ dày không lồ của chiến tranh xâm lược Việt Nam”.

Ngoài ra, trong Tổng kho Long Bình có Bộ Tư lệnh dã chiến II của Mỹ, Bộ Tư lệnh hậu cần số 1. Lực lượng Mỹ - ngụy tập trung thường xuyên lên đến 2.000 tên. Ở đây, địch tổ chức phòng thủ hết sức chặt chẽ, chung quanh là hàng rào dây thép gai dày 7 – 12 lớp có gai mìn trái. Các lô cốt tiền duyên cách nhau 30 – 40m nằm cách lớp rào cuối cùng 40 – 50m. Bên trong có nhiều tuyến hào nối các lô cốt, hai bên đường đi lại đều rải hàng rào kẽm gai. Hai khu quan trọng của tổng kho là kho đòi 50 và 53.

Ông Hai Cà kể lại, riêng khu để bom đạn rộng hàng chục km². Mỗi dãy bom hoặc đạn pháo chất cao 5m, dài 30m, rộng 15m. Nói đánh thì dễ nhưng vấn đề gay go nằm ở chỗ nếu dùng lựu đạn, bộc phá đánh kho đạn, đạn nổ thì làm sao bò ra cho kịp? Và lại đánh như vậy không biết có làm chết đồng bào không? Suy tính “nát nước” tìm phương án phù hợp, cuối cùng ông và đồng đội quyết định chọn cách dùng đồng hồ gài kíp mìn hẹn giờ. Khó khăn thứ hai là tìm đâu ra lượng thuốc nổ đủ để gây thiệt hại lớn cho địch. Vì lượng thuốc nổ mà ông xin Miền cấp thì anh

cán bộ tham mưu mang về, do không hiểu ý nên đã đem hết ra đánh sập các cầu đê ngăn địch hành quân lên.



Kho Long Bình đổ nát sau trận đánh của quân giải phóng

Để có thuốc nổ, ông hiến kế tìm bom lếp chưa nổ, چرا لای لثوآ. Bài toán về thuốc nổ được giải quyết nhưng ngặt nỗi trong đội chưa ai làm kiểu mìn này bao giờ, sợ thuốc nổ bị kích ầu, nổ bất tử. Nhưng rồi các ông cũng "mò" ra được cách chế tạo loại mìn để đánh. Đó là cho thuốc sau khi được làm nhuyễn lên chặ vào một cái thùng mỡ loại 10 ký rồi dùi lỗ tạo vị trí gắn kíp điện và kích nổ từ xa. Sau nhiều lần thí nghiệm, phương án cũng thành công. Đêm 22 rạng sáng 23 – 6 - 1966, tổ đặc công 6 người do các ông Nguyễn Văn Vàng và Tư Thái chỉ huy, với quyết tâm chết cũng đánh đã mang theo 4 trái mìn tự tạo (mỗi trái 10 ký thuốc nổ) đột nhập vào kho 50 của Tổng kho Long Bình. 4 trái mìn được đặt vào 4 góc phía trong của kho đạn. Dưới sức ép của thuốc nổ, cả kho đạn 50 Tổng kho Long Bình nổ dây chuyền, âm vang suốt từ 11 giờ khuya đến tận sáng hôm sau. Sức ép của kho đạn làm bật gốc hàng loạt cây cối trong vùng và làm bể kiếng nhiều nhà ở Sài Gòn,

Biên Hòa. Sáng hôm sau, một nhà báo ở Sài Gòn đến tìm viên tướng chỉ huy Mỹ, hỏi: "Tại sao Việt cộng đánh mà các ông không biết"? Viên tướng này nói: "Nếu biết thì tôi đã là Việt 36 cộng...". Khi kết quả trận đánh này báo về Miền, Tỉnh đội U.1 đã được tặng thưởng Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba và 4 Huân chương chiến công giải phóng. Liên tiếp 3 tháng cuối năm 1966, Đại đội 2 đặc công U.1 còn mưu trí, táo bạo 3 lần đánh vào kho Long Bình, phá hủy 353 ngàn quả đạn pháo các loại. Đêm 3 – 2 - 1967, đặc công U.1 lại bí mật đột nhập đặt bom khu kho đòi 53 khiến 40 dãy kho chất đầy 800.000 quả đạn pháo nổ tung kéo dài trong 3 ngày liên tiếp. Bộ Tư lệnh Miền gửi điện khen và tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhất.

Theo ông Hai Cà, thực hiện chiến lược chiến tranh cụ bộ trên chiến trường miền Nam, sân bay Biên Hòa được Mỹ - ngụy xây dựng thành sân bay quân sự hiện đại nhất Đông Nam á. Bộ Tư lệnh Miền chỉ thị cho U.1 tích cực đánh sân bay Biên Hòa để giảm bớt mức độ tập trung hỏa lực máy bay trên chiến trường; đồng thời tiêu hao sinh lực, làm lung lay tinh thần chiến đấu của kẻ thù. Đặc biệt, tham gia trận đánh sân bay Biên Hòa lần này còn có cả ông Trần Văn Cao, con trai cả của Tỉnh đội trưởng Hai Cà. “Quân tử bất vị thân”, luôn giữ vững nguyên tắc trong chiến đấu không vì tình thân mà nể nang giao việc dễ nên với con trai mình ông càng nghiêm khắc. Trong quá trình tổ chức đánh sân bay, công việc nguy hiểm nhất là khi tiềm nhập, điều nghiên về địa bàn. Trước đó, có anh em đi điều nghiên đã bị chó béc giê Mỹ bắt sống. Giao trọng trách lớn cho con, ông chỉ biết bình tĩnh căn dặn con “cẩn thận và làm tốt”.

Đêm ngày 10 – 4 – 1967, tổ điều nghiên sân bay do Trần Văn Cao chỉ huy vượt qua nhiều hàng rào, bãi mìn vào kho nắm thông tin về cách bố phòng hệ thống doanh trại, khu chứa máy bay, quy luật hoạt động tuần tra canh gác... Hôm sau tổ về báo cáo lại, nhận thấy thông tin chưa chính xác, tổ điều nghiên chưa nắm chắc vị

trí đậu máy bay chiến đấu. Thông tin này vô cùng quan trọng bởi nếu nắm chắc thì pháo đánh vào chỉ cần bắn trúng 1 chiếc, lập tức sẽ cháy lan ra các máy bay khác, hiệu quả đánh cao. Ngoài ra, còn phải nắm lại thông tin về kho xăng, kho bom đạn vì từ sau trận đột kích của ta tháng 8 năm 1965, Mỹ đã có thay đổi trong vị trí. Không bằng lòng với kết quả tổ điều nghiên mang về, ông ra lệnh phải thực hiện tiềm nhập lần thứ 2. Lần này, ông yêu cầu tổ điều nghiên phải tiến sát mục tiêu, nắm kỹ hơn, cụ thể hơn. Kể về trận đánh này, ông Hai Cao cho biết, dù bị thương vào chân phải do dính mìn, ông vẫn nhận được lệnh của cha phải bò sâu vào trong sân bay hơn nữa để nắm chắc tình hình. Nhờ quyết liệt chỉ đạo công tác 37 điều nghiên giúp nắm chắc thông tin về mục tiêu đã giúp cho pháo của ta bắn trúng kho chứa nhiên liệu, đốt cháy 2 triệu lít xăng dầu. Có thể nói, trong các trận đánh phủ đầu của ta theo chủ trương của Khu ủy Miền vào các vị trí trọng yếu của địch trên chiến trường Biên Hòa trong chiến dịch chiến tranh đặc biệt và cục bộ những năm 1964 – 1967 như: kho tàng, sân bay... công đầu thuộc về lực lượng bộ đội đặc công Biên Hòa, trong đó có đóng góp rất lớn của "Tổ sư đặc công" Hai Cà. Những chiến công ấy, theo đánh giá của tài liệu lịch sử "đã làm rung chuyển Nhà Trắng" góp phần tạo nên thay đổi giữa thế và lực trên chiến trường miền Đông Nam bộ theo hướng có lợi cho quân giải phóng.

10. Cùng miền Nam chia lửa

Tháng 12 năm 1967, Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ hết sức quan trọng sẽ thực hiện cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam nhằm giành thắng lợi mang tính quyết định mặc dù lúc này trên chiến trường miền Đông Nam bộ, nếu so sánh tương quan lực lượng giữa ta và địch thì phía Mỹ có số lượng quân chủ lực cũng như lượng vũ khí hiện đại hơn, đông đảo hơn.



Một chiến sĩ giải phóng quân đang cài mìn đánh địch trong cuộc tổng tiến công mùa xuân 1968

Trung ương Cục miền Nam đề ra kế hoạch tổng công kích – tổng khởi nghĩa ở miền Nam với trọng điểm là Sài Gòn và chiến trường Đông Nam bộ. Chiến trường Biên Hoà được xác định là địa bàn chiến lược quan trọng. Các mục tiêu tấn công gồm: sân bay Biên Hoà, Tổng kho Long Bình, ti cảnh sát Biên Hoà, chi khu Công Thanh và yếu khu Trảng Bom. Lực lượng tham chiến trên địa bàn U.1: Sư đoàn 5, 2 tiểu đoàn đặc công, đội biệt động U.1, 2 trung đội bộ đội địa phương huyện Vĩnh Cửu và Trảng Bom, mỗi xã có 1 tiểu đội du kích, ngoài ra còn khoảng 300 cơ sở mật. 38 Tướng Lê Đức Anh chỉ định Bộ chỉ huy và đảng uỷ mặt trận gồm: ông Trần Minh Tâm, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 5 làm chỉ huy trưởng; ông Hai Cà là chỉ huy phó.

Sau khi nhận nhiệm vụ, ông Hai Cà đã trực tiếp dẫn chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy đi nắm bắt tình hình địa bàn Biên Hoà. Chiều ngày 24 – 12 – 1967, kế hoạch Tổng tiến công và nổi dậy trên địa bàn U.1 được thông qua. Công tác hậu cần gấp rút chuẩn bị. Điều hết sức đặc biệt, tham gia chiến dịch lần này có 2 con trai ông Hai Cà trong đó có tổ trưởng tổ thông tin Trần Văn Khía và một chiến sỹ báo vụ tham gia điều nghiên thông tin là anh Trần Văn Mum (16 tuổi). Nhưng trước ngày khai lệnh tổng tiến công 4 ngày, trong lần đến sở chỉ huy tiền phương đào hầm đặt điện đài, trên đường quay về chẳng may anh Trần Văn Mum loạt ổ phục kích của địch và hi sinh. Mặc dù Mum là đứa con trai được ông yêu nhất nhưng nén nỗi đau mất con luôn “vò xé tâm can” của người cha vào lòng, Chỉ huy phó Hai Cà tiếp tục bình tĩnh chỉ huy chiến dịch. Chiều ngày 30-1-1968 (mùng 1 Tết Mậu Thân), Sư đoàn 5 cùng lực lượng đặc công U.1, lực lượng biệt động thị xã Biên Hoà, bộ đội các huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu cùng tập hợp về Biên Hoà ăn Tết và làm lễ xuất quân. Sau khi nghe thơ Bác động viên tinh thần cán bộ, chiến sỹ hạ quyết tâm thực hiện đợt Tổng tiến công và nổi dậy đúng qui định với mục tiêu kết quả cao nhất, đêm 31 – 1 – 1968, Sư đoàn 5 chia làm 2 cánh: cánh thứ nhất tiến vào Hóc Bà Thức đánh sân bay Biên Hoà và Quân đoàn 3 nguy; cánh thứ 2 cùng sở chỉ huy tiền phương xuống Kẻ Sặt tiến công Bộ Tư lệnh dã chiến của Mỹ trong Tổng kho Long Bình. Riêng lực lượng biệt động thị xã và cán bộ phát động quần chúng vào ém trước trong nội ô, chờ bộ đội chủ lực đánh vào. Các đơn vị pháo ĐKB, bộ đội địa phương và du kích ở hai huyện Vĩnh Cửu, Trảng Bom hành quân chiếm lĩnh trận địa trước giờ G. Cùng đêm 31 – 1, Tiểu đoàn 2 đặc công U.1 do ông Nguyễn Văn Thái chỉ huy đánh vào khu vực đồi 53 Tổng kho Long Bình, phá huỷ 127 dãy bom đạn. Đúng 0 giờ ngày 1 – 2 – 1968, pháo ĐKB đặt ở 3 điểm: Tân Tịch, Thường Lang, Đồng Lách đồng loạt bắn dồn dập vào sân bay Biên Hoà, làm hiệu lệnh mở màn cuộc tiến công chung. Đại đội đặc công U.1 cùng Đại đội 1 (Trung đoàn 4) bí mật đột nhập sân bay Biên Hoà, qua mặt lực lượng bảo an nguy dùng thủ pháo dù

đánh hỏng từng máy bay chiến đấu. Tuy nhiên, do tương quan lực lượng giữa ta và địch quá chênh lệch nên lực lượng này sớm địch bị đánh bật ra ngoài. Quân số thương vong tương đối lớn. Đại đội đặc công Sư đoàn 5 tiến công phía Tây sở chỉ huy quân đoàn 3 cũng bị 39 đánh bật ra khỏi vị trí chiếm được. Mỹ - nguy tung máy bay trực thăng bắn xối xả đạn và rốc két vào các vị trí chiến đấu nhằm chặn đường rút lui của bộ đội ta. Các cánh tiến công khác cũng chịu thiệt hại nặng nề, buộc phải rút lui. Mặc dù không giành được thắng lợi như mục tiêu ban đầu đề ra nhưng trong chiến dịch Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968, mặt trận Biên Hoà đã có tác động rộng lớn đến toàn miền Nam làm Mỹ - nguy hoang mang khiến nhiều công chức 17 ngày sau mới dám trở lại làm việc, nhiều lính nguy về quê ăn Tết đã không trở về đơn vị. Biên Hoà đã góp phần chia lửa với toàn Miền.

11. Người anh hùng bình dị

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1968, ông Hai Cà lại cùng quân và dân Biên Hoà bước vào nhiệm vụ mới; vừa lo đối phó địch chống càn, vừa bám trụ giữ vững địa bàn chiến đấu; chuẩn bị thế và lực cho tình hình mới.

Năm 1973 ông về nhận công tác tại Cục Tham mưu Miền, sau đó ông giữ chức Trưởng phòng sản xuất Cục Hậu cần. Nhiệm vụ của ông và đồng đội là chỉ đạo quân chủ lực, bộ đội địa phương sản xuất tự túc ba tháng, “trồng tĩa cái gì mau ăn nhất”. Thế là từ vị trí chiến đấu ngoài mặt trận, ông được phân công đi sản xuất phía sau.

“Là anh nông dân đi kháng chiến, trên cần người đánh giặc thì tôi ra trận, Khi trên cần mình đi tổ chức sản xuất, tôi sẵn sàng tay cày tay súng”.



Ông Hai Cà ở giữa trong lễ kỷ niệm Đặc công U1 (2009)

Ở vị trí nào, ông cũng làm tốt nhiệm vụ được Đảng và cách mạng phân công.

Và khi thời cơ chín muồi, cả nước ta đã đồng lòng đứng dậy làm nên cuộc tổng tiến công mùa xuân lịch sử năm 1975, giang sơn thu về một mối. Có thể nói, trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của quân, dân Biên Hòa, Đồng Nai có sự đóng góp không nhỏ của Đại tá Trần Công An.

Từ anh lính mới tham gia kháng chiến cho đến lúc làm Tỉnh đội trưởng chỉ huy lực lượng vũ trang trong vùng, ông Trần Văn Cà đã không ngừng tìm tòi, sáng tạo xây dựng nên những cách đánh địch phù hợp để giành được hiệu quả cao nhất góp phần làm nên chiến thắng chung của toàn dân tộc. Đặc biệt chiến thuật đặc công do ông sáng tạo ra đã làm nên những chiến thắng oai hùng ở những nơi, những lực lượng tưởng như bất khả chiến bại như sân bay Cát Bi, Biên Hòa, Tân Sơn Nhất, Gia Lâm, Bạch Mai, Phú Thọ Hòa, Hội An, Tua Hai, Núi Thành, Hoài Đức, Bắc Ruộng, Long Bình, Đồng Dù, Thành Tuy Hạ, Nhà Bè, sứ quán Mỹ, Đắc Hà... Kể từ lúc sinh ra năm 1920 cho đến lúc về với đất mẹ vào năm 2008, suốt

cuộc đời chinh chiến của mình, Đại tá Trần Công An đã kinh qua rất nhiều vị trí công tác, từ anh xã đội trưởng du kích đến Tỉnh đội trưởng, chỉ huy lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa, ông đã để lại nhiều ký ức khó quên trong mỗi người dân Đồng Nai mỗi khi nhắc về quá khứ.

Những đóng góp của ông đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận bằng những danh hiệu cao quý; bên cạnh rất nhiều huân chương quân công ông được tặng thưởng trong suốt quá trình chiến đấu, năm 1996, ông đã được trao tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Đến nay, những tư liệu về Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân Trần Công An đều được con gái của ông là bà Trần Thị Dính lưu giữ và bảo quản cẩn thận. Mặc dù nói vậy nhưng tất cả những gì ông để lại chỉ là những bằng khen, huân, huy chương về những thành tích của ông trong thời kỳ tham gia kháng chiến. Bên cạnh đó là những bức ảnh ông chụp với các nguyên thủ lãnh đạo qua các thời kỳ đã được gặp gỡ. Phần còn lại chỉ là những chỉ là những cuốn sách ông đã được bạn bè tặng, những cuốn sách do Cục Kỹ thuật Đặc Công; Bộ Tư lệnh Đặc công,... kính tặng khi cho ra mắt những tư liệu về lịch sử cũng như kỹ thuật của lối đánh đặc công mà ông đã khai sinh. Những tài sản đơn sơ này được bà Dính gói gọn lại trong một cái tủ nhỏ của ông có từ thời trước giải phóng.

Trong đó là những cuốn sách mà ông đã được đọc, một số vật dụng thường ngày như mắt kính, sổ ghi chép, địa chỉ của những người đồng đội và con cái của họ mà ông lưu giữ.



Đồng chí Trần Công An chụp ảnh lưu niệm với các vị lãnh đạo Đảng và nhà nước

Đến thăm nhà ông Hai Cà, chúng tôi nhìn thấy quanh tường treo đầy các bức ảnh lưu niệm các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước đến thăm; các huân huy chương, bằng khen, giấy khen, còn lại không có vật gì đáng giá.

Ông sống giữa phố bao nhiêu năm mà vẫn nấu cơm bằng củi khô “cho đỡ tốn kém”, bì thư ai gửi đến, ông cắt cẩn thận rồi lộn bên trong dùng tiếp một lần nữa. “Nhất tướng công thành vạn cốt khô”. Về già ông ít ngủ, thường hồi tưởng những lúc đêm khuya thanh vắng, nhớ lại vô số bạn bè cũ với gương mặt trẻ đã hi sinh. Các huân chương, huy chương đỏ ngực thấm máu bao đồng đội ông. Nếu họ còn sống cũng da mồi, tóc bạc như ông bây giờ.

Trước cửa chính căn nhà, ông lập một bàn thờ, thờ hai chữ “Liệt sỹ” mà đối với ông luôn là sự thôn thức trong tâm linh của một vị chỉ huy từng vào sinh ra tử. Ông còn nhận trông nom Khu tượng đài pháo binh và đặc công đánh sân bay Biên

Hòa đề luôn nhớ tới đội ngũ điệp điệp trùng trùng anh chị em đồng đội của ông có người mãi mãi giữ khuôn mặt tuổi hai mươi...

II. ĐẠI TÁ TRẦN CÔNG AN – NGƯỜI ANH HÙNG BÌNH DỊ

1. Một lòng trung với Đảng, hiếu với dân

Cuộc đời của chiến sĩ Hai Kìa là một cuộc đời hết lòng phục vụ tổ quốc, luôn đặt lợi ích của nhân dân, của tập thể lên trên lợi ích của cá nhân.

Đây là biểu hiện xuyên suốt từ thời kỳ ông gia nhập đoàn Thanh niên Cứu quốc đến khi trở thành một vị tướng lĩnh trên mặt trận chiến đấu khiến kẻ thù run sợ. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, lòng tin của ông với Đảng với dân vẫn luôn sắt son, chung thủy.



Bức tượng chân dung và bàn thờ liệt sĩ tại nhà ông Hai Cà

Anh Kìa đến với cách mạng cũng tự nhiên như cây phải có cội, nước phải có nguồn. Khi quê hương đầy bóng giặc thù, anh nông dân Trần Văn Kìa không thể đứng yên nhìn lũ giặc giày xéo làng quê, bắt bớ, giết chóc bà con. Anh gia nhập vào đội thanh niên cứu quốc với mong muốn dẹp hết bọn giặc rồi trở về làm một người nông dân chân lấm tay bùn trên đồng ruộng.

Giác ngộ cách mạng một cách tự nhiên, xuất phát từ tình yêu tổ quốc, yêu đồng bào của con người Việt Nam hun đúc hàng ngàn năm, anh Kìa lên đường tòng quân khi không hiểu Việt Minh là gì? Anh trả lời rất tự nhiên khi cán bộ tuyên huấn hỏi: Việt Minh là tốt thôi.

Chính từ những suy nghĩ đơn giản đó, Việt Minh là tốt cho người dân, là tốt cho đất nước, anh cầm súng xông pha nơi lửa đạn. Nhiệm vụ khó nào cũng đến tay anh. Học tập từ những điều đơn giản nhất đến khi phát minh ra kỹ thuật đánh đặc công. Từ anh xã đội trưởng non trẻ ít kinh nghiệm đến anh Trung đoàn trưởng chiến công lừng lẫy, ở nhiệm vụ nào anh cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân đã tin tưởng giao phó.

Và trong cuộc chiến đấu gian khổ đó, anh Hai Kìa trở thành đồng chí cách mạng Trần Công An hay là ông Hai Cà luôn luôn một lòng hướng về tổ quốc. Đối với ông, đánh giặc giỏi, mau dành độc lập cho nước nhà thì vị trí nào ông cũng làm, không việc gì ông từ nan.

Cũng vì suy nghĩ đơn giản mà hết sức cao cả đó của anh nông dân miệng nói, tay làm nên cuộc chiến tranh khốc liệt với cái chết cận kề bất cứ lúc nào cũng có thể quật ngã con người thì ông mới đạp bằng khó khan dốc toàn lực để chiến đấu.

Thật xúc động khi ông kể có những ngày trèo đèo lội suối lên chiến khu rồi trở về, ông đi mệt đến nỗi khi về tới nơi thì đá đất ra máu.

Trong hồi ký ông kể lại, tôi khó có thể đo đếm được bước chân ông đã lặn lội từ Bắc vào Nam rồi lại vào Nam ra Bắc bao nhiêu là km đường. Sức người đem đọ với sức trời, đôi chân lệt bần, đạp bằng mọi khó khăn cản trở, ông lập nên những chiến công vang dội được cả trung ương và Bác Hồ khen tặng.

Không chỉ tự mình giác ngộ, lập chiến công, mà ông còn truyền lại lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, sự can đảm, quật cường cho vợ và con của mình. Lo sợ

con bị bắt lính làm việc cho giặc, ông nhất quyết dặn vợ mình: “Mình bốn, năm con rồi. Mấy thằng con trai cố gắng đừng cho nó đi lính nguy. Mai một tui về tui biết nó đi lính cho địch là tui giết”. Và chính họ sau này cũng trở thành những người cách mạng lập được nhiều chiến công hiển hách.



Ảnh tác giả chụp hình cùng cô Trần Thị Dính – con gái của ông

Tất cả những việc ông làm đều vì lợi ích chung của đồng bào, đồng chí. Trong cuốn hồi ký của ông tôi thấy thương ông quá vì có một giây phút được Bộ cho nghỉ ngơi, dưỡng sức, ông kể giọng chân chất Nam bộ thật thà: tôi được 8000 đồng tiền bồi dưỡng nhưng tôi không xài riêng cho cá nhân, hễ có ai ở ngoài ở lại tôi đều cho người này mấy chục, người kia mấy chục, cho đến khi hết cũng là hết kỳ nghỉ dưỡng sức.

Trong trận chiến, ông cũng mất đi người con, trong đó có liệt sĩ Trần Văn Mum, hi sinh khi anh mới tròn 16 tuổi. Anh Mum là đứa con mà ông Hai Cà thương yêu nhất. Nỗi đau vò xé tâm can của người cha – người chiến sĩ, người thủ trưởng. Nhưng giữa lúc trăm công, ngàn việc đổ dồn lên vai, ông âm thầm chịu đựng, nước mắt chảy vào trong, không để lộ ra ngoài. Bởi vì đối với ông, trong

cuộc chiến tranh khốc liệt này, tổn thất chung rất lớn, nỗi mất mát của gia đình ông không thấm vào đâu.

Đọc đến đoạn nhật ký này của một người lính, một người cha trở về sau chiến tranh hồi tưởng về đứa con trai yêu quý của mình, tôi trào nước mắt thương ông. Thương ông như thương một người cha cả cuộc đời cặm cụi lam lũ vì đàn con thân yêu. Thương người cha cắn răng chịu đựng nỗi mất mát vì tình chung, nuốt nước mắt vào trong hoàn thành nhiệm vụ lớn.

Kể sao hết tấm gương hi sinh, mẫu mực của người anh hùng dân tộc. Cả cuộc đời ông là cuộc đời cách mạng hào hùng, oanh liệt, nhưng chỉ gói gọn trong một từ duy nhất, ĐÁNH GIẶC. Đánh giặc bởi nước mất nhà tan, đánh giặc để được tự do độc lập, đánh giặc để được trở về làm anh nông dân Hai Kì yêu lao động, thích làm giàu, xoá đói nghèo. Và đánh giặc để bà con không ai còn chịu cảnh bị ức hiếp.

Niềm tin sắt đá với Đảng, với dân của ông là không gì có thể lay chuyển được. Đối với ông, nhiệm vụ của Đảng giao, dù khó đến mấy ông cũng chấp hành.

Đang cầm súng chiến đấu trên chiến trường, lúc Đảng cần, ông sẵn sàng nhận ngay nhiệm vụ mới là lui về sau sản xuất để lo cái ăn cho bộ đội. Ông chấp hành ngay không thắc mắc gì. Bởi ông luôn tâm niệm: là anh nông dân đi kháng chiến, trên cần người đánh giặc thì tôi ra trận. Khi trên cần mình đi tổ chức sản xuất thì tôi sẵn sàng tay cày, tay súng. Làm tốt mọi nhiệm vụ được Đảng và cách mạng phân công đều vẻ vang.

Và ở vị trí nào, nhiệm vụ nào ông cũng đều hoàn thành xuất sắc. Đây là tố chất của con người chiến sĩ tiên phong, dám xông pha trên mọi mặt trận. Bởi với ông, không có nhiệm vụ nào cao cả hơn hay thấp hèn hơn mà mỗi việc làm đều góp vào thành công chung của cả tổ chức.

2. Mưu trí, sáng tạo

Nói đến Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân Trần Công An là nói đến những trận tấn công quân thù bằng lối đánh đặc công có một không hai mà ông là người phát minh.



Chân dung của AHLLVT Trần Công An được trưng bày trang trọng tại Bảo tàng Đồng Nai

Dù trình độ văn hóa thấp, chưa qua một học viện quân sự nào nhưng ông đã sáng tạo ra cách đánh đặc công độc đáo. Từ tổ diệt tháp canh bằng FT, bằng peta, lối đánh đặc công có bước nhảy vọt làm cơ sở cho việc hoàn chỉnh kỹ thuật đặc công bộ, đặc công thủy, đặc công biệt động đánh trong đô thị... làm phá sản chiến thuật tháp canh hiểm độc của viên tướng thực dân lão luyện Đờ Latua trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam bộ, và triển khai trên các chiến trường có kết quả.

Xuất phát từ suy nghĩ phải đánh sao cho bọn địch thất bại, giảm tổn thất cho anh em đồng bào chiến sĩ, đánh bại âm mưu “ba giai đoạn, sáu kế hoạch” của thực

dân Pháp, anh Hai Kìa dùng cách đánh “nông dân, mộc mạc” giống như đi bẫy con thú, thận trọng, bất ngờ.

Nghe cách ông kể quá trình tìm cách đánh đặc công, ít người, ít phương tiện, tác dụng nhanh, hiệu quả lớn mà tôi cứ tưởng giống như anh Hai Kìa ngày xưa mần đường, mần ruộng. Và chính anh em chiến sĩ của ông từ những kinh nghiệm ruộng đồng cộng với quá trình huấn luyện chiến đấu đã sáng tạo ra cách đánh “bí mật, thần tốc, táo bạo, bất ngờ”.

Cách đánh này liên tục lập được nhiều chiến công hiển hách liên tiếp nhau khiến quân thù kinh hồn, bạt vía. Điển hình là trận đánh tua cầu Bà Kiên lần một, trận đấu tua Cầu Bà Kiên lần 2, trận đánh tua Vàm Giá. Đây là những trận đầu lập chiến công to của ông Hai Cà. Hoàn thiện cách đánh đặc công bằng mìn lõm FT kết hợp thủ pháp, không cầu thang. Đây là bước nhảy vọt mới của kỹ thuật đánh đặc công của Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa.

Kỹ thuật đánh tháp canh được bộ đội khắp nơi học tập, rút kinh nghiệm, tổ chức, huấn luyện, ứng dụng cách đánh vào đồn bót, lô cốt, kho tàng, cầu cống và các căn cứ quan trọng của địch, chẳng những ở chiến trường miền Đông Nam bộ, mà còn lan rộng ra các tỉnh bạn và cả nước.

Chiến thắng khắp nơi liên tục bay về trên mọi miền Tổ quốc làm nức lòng người Đồng chí Trần Công An, chẳng những là người có công đầu về cách đánh đặc công mà còn trực tiếp góp phần nhân rộng bằng hành động thực tế, miệng nói tay làm, luôn hướng dẫn cho đồng chí, đồng đội các nơi một cách tỉ mỉ, chu đáo những kinh nghiệm quý báu và chính đồng chí đã trực tiếp tham gia cùng đồng đội chiến đấu. Và từ cách đánh đặc công độc lập, đã phát triển thành các chiến thuật kết hợp đặc công, biệt động, bộ binh của quân ta.

Cách đánh chủ động, sáng tạo này của ông sau này được phổ biến rộng rãi trong toàn quân, được nhiều đồng chí Trung ương Đảng khen ngợi.



Đường Trần Công An tại phường Trung Dũng

Chủ tịch Hồ Chí Minh trong buổi đi thăm bộ đội đặc công ngày 19/3/1967 đã tặng binh chủng 16 chữ vàng: “đặc biệt tinh nhuệ, Anh dũng tuyệt vời, Mưu trí táo bạo, Đánh hiểm thắng lớn”.

Không chỉ trực tiếp sáng tạo trên chiến trường, ở vị trí nào anh bộ đội mưu trí, dũng cảm Hai Cà cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Lúc được giao nhiệm vụ lui về sau sản xuất, tạo điều kiện cho cả nước nổi dậy mùa xuân 1975. Dù chỉ thích ra chiến trường giết giặc nhưng hiểu tầm quan trọng của việc tổ chức sản xuất phục vụ hậu cần cho kế hoạch đưa toàn quân ta giải phóng miền Nam, Trung đoàn trưởng hậu cần Trần Công An đã ra sức tổ chức sản xuất. Phát huy tố chất của một anh nông dân sản xuất giỏi, ông đã chỉ huy mặt trận chiến sĩ kinh tế, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Áp dụng nhiều cách làm sáng tạo nên công tác hậu cần vượt mục tiêu kế hoạch đặt ra, đủ dự trữ cho đại quân ta chiến đấu giải phóng miền Nam.

Về vấn đề này, thượng tướng Trần Văn Trà - tức Hai trà kết luận tại hội nghị hậu cần năm 1964: “Anh Hai Cà có tư tưởng của chủ lực, trong tay có kho dự trữ lớn, dưới đất lại có kho mì thế này. Đoàn vận tải của anh rất mạnh, có người lại có ô tô chớ làm như bên đây kéo xe bò với tải chay thì thì chủ lực lấy gì mà ăn? Tư tưởng chủ lực của anh Hai Cà rất mạnh.

Sau này Bộ trưởng Bộ Công an Phạm Hùng còn nhắc: “Phải học tập cha Hai Cà, ở rừng mà heo của chả đầy rừng, mì của chả đầy rẫy, kho của chả đầy gạo”.

3. Lối sống gương mẫu, giản dị

Sau này khi đã ngoài 80 tuổi, ngài hồi tưởng lại lại giai đoạn đầu ra đời và phát triển của cách đánh đặc công, mà lòng ông tràn đầy vui sướng, tự hào. Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách. Ông tâm sự: Thực dân Pháp trở lại xâm lược khi cách mạng Việt Nam còn đang trong trứng nước. Vận mạng dân tộc như ngàn cân treo sợi tóc. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm được kỳ diệu, đó là khơi gợi lòng yêu nước nồng nàn của nhân dân, khiến hàng triệu hai lúa sẵn sàng mặc áo lính lên đường kháng chiến cứu nước.

Trong cuộc sống cũng như trong chiến đấu, ông luôn gương mẫu đi đầu trong mọi việc, việc khó ông làm trước rồi mới giao cho lính. Chính vì vậy ai cũng phục ông Hai Cà.

Đối với con cái, ông cũng không bao giờ vì tình riêng mà thiên vị. Ông từng cho biết: trong công tác tôi bao giờ cũng giữ đúng nguyên tắc: không vì tình cảm gia đình mà chỉ giao việc dễ, tương đối an toàn cho con mình. Tiềm nhập sân bay Biên Hòa là việc khó, nguy hiểm, có an hem vô đã bị chó bécgiê Mỹ bắt sống. Nếu chỉ giao cho các đồng chí khác cùng trạc tuổi, có khi nhỏ hơn Hai Cao, làm việc khó khan thiệt không công bằng...



Căn nhà của ông Hai Cà được mới được sửa chữa lại thời gian gần đây

Ngay cả việc con bị thương gãy chân, ông vẫn không tỏ ra quá săn sóc, đối với ông, con và lính đều ngang nhau, đều là những đứa con, đứa cháu của mình. Hơn thế, làm việc với tác phong gương mẫu, ông mới có thể lãnh đạo mọi người nghe theo.

Sau này khi đất nước hoàn toàn giải phóng, ông tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ mà Đảng đã giao phó rồi về hưu. Người anh hùng lẫm liệt trong chiến tranh trở về với cuộc sống đời thường là người nông dân.

Cuộc sống thiếu thốn khó khăn do nước ta vừa mới chấm dứt chiến tranh, cơm không no, áo không ấm. Gia đình ông cũng vậy! được Bộ cấp cho căn nhà ba gian đã xuống cấp, vợ chồng ông cặm cụi làm, cộng với tiền hưu cũng đủ cất được cái nhà cộ gỗ. Có chỗ yên ấm, gia đình ông lại bắt tay vào lao động sản xuất.

Ông đã từng nói với an hem cũng về hưu nhưng đồng lương thiếu thốn: “thôi, chửi lung tung không nên. Nín đi! Ta tăng lương bằng cái cuộc. Hoàn cảnh đất nước ta nó vậy”.

Ở địa phương, ông ra sức làm tốt công việc của một cựu chiến binh. Gắn bó với xóm làng, ủng hộ các chính sách mới của Đảng và nhà nước, chống lại lời nói, hành động xa rời quần chúng của một số bộ phận cán bộ cứng nhắc. Đời sống của ông thanh bạch, giản dị, ra sức vì công việc chung nên được quần chúng tin yêu.

Ông làm cật lực suốt mấy năm nghỉ hưu nhà dù không còn neo tảng như trước nhưng người anh hùng Hai Cà ngày xưa giờ gầy đen, da sứt lại, quần phục bạc màu, mũ chuối dính lổm đổm.

Tỉnh ủy Đồng Nai cấp cho gia đình ông một căn nhà nhỏ ở cổng 1, sân bay Biên Hòa. Là người có công lớn trong kháng chiến, trở về làm người anh hùng bình dị, ông Hai Cà vẫn như bao nhiêu người nông dân khác. Ở đâu cũng thấy một chiến sĩ cách mạng gương mẫu, dũng cảm, bình dị. Nhiều lần tỉnh Đồng Nai muốn sửa chữa căn nhà đã cũ lại cho ông có nơi ở đàng hoàng nhưng ông khoát tay nói: nhiều người còn chưa có chỗ ở, mình ở vậy được rồi. Chừng nào hư không sửa được thì tính tiếp”.

Không ít lần ông được thắc mắc: sao người ta đi chiến đấu về làm ông này ông nọ tận đâu rồi mà bác còn vác cày đi làm nông, ông Hai Cà cười trả lời: “tui chỉ biết đánh giặc chứ không biết làm quan. Để người nào có tài họ đứng ra phục vụ đất nước”.

Bác Hai Cà của chúng ta là vậy đó, ở đâu cũng đi trước về sau. Trong chiến đấu ác liệt, ông dành phần nguy hiểm cho đồng đội, thời hòa bình ông dành phần thiệt thòi cho riêng mình. Suốt cả cuộc đời, chưa từng thấy ông than thở dù chỉ là một câu nhỏ nhất. Chỉ duy nhất có một lần ông cự cãi, không đồng ý khi lãnh đạo đưa ông lui về phục vụ sau chiến tuyến. Anh Hai Cà chỉ muốn đánh giặc phải vài lần thuyết phục mới chịu nhận công tác. Cũng vì ông muốn ra trận giết giặc chứ không phải ông ngại khó. Tấm gương vì tổ quốc, vì nhân dân của ông là tấm gương mà chúng ta phải học tập suốt đời.

4. Anh hùng trong chiến đấu, anh hùng trong lao động

Cuộc chiến đấu thần thánh của cả dân tộc cuối cùng cũng đã kết thúc, toàn thắng đã về ta, đất nước hoà bình, độc lập trở lại. Anh Hai Kìa lại thoả mong muốn được trở về cày cấy trên mảnh đất quê hương. Gác bỏ súng gươm, anh tay cày, tay cấy, cùng gia đình nhỏ chăm lo lao động sản xuất kiếm cái ăn. Giai đoạn cả đất nước rơi vào thời kỳ khó khăn thiếu thốn, anh nông dân Hai Kìa nay là ông Hai Cà lại phát huy tinh thần vượt khó của anh bộ đội Cụ Hồ, trở thành chiến sĩ trên đồng ruộng.

Người anh hùng trên chiến trường năm xưa nay trở thành người anh hùng trong lao động. Khai phá đất hoang, trồng lúa, nuôi heo,... việc gì anh cũng làm để mong thoát cái đói, cái nghèo thời buổi đất nước sau chiến tranh thiếu thốn. Ông tâm sự: tôi làm hăng hái như thế vì cái máu muốn thoát nhanh đói nghèo ngày xưa lại trôi dạt, chớ biết chắc không thể làm giàu để trở thành phú nông địa chủ nữa rồi.

Không chỉ sáng tạo trong chiến đấu, hoà bình rồi, ông Hai Cà lại càng phát huy ô chất của mình. Vận dụng kiến thức thu nhặt được trong thời kỳ làm ông trưởng đoàn hậu cần, ông trồng lúa sản lượng vượt gấp mấy lần người khác.

Từ anh thủ trưởng miệng nói ra gang, ra thép, hô một câu người người phải nghe theo, anh trở về hai bàn tay trắng tự mình lao động, tự mình giã cỏ, bón phân tưới nước, vậy mà trong lời kể của ông như có tiếng reo vui.

Đồng đội cùng chiến đấu với ông, có nhiều người đã làm lên đến lãnh đạo tỉnh, ông vẫn vui vầy với bó lúa, bó rau, bởi đối với ông đây là tất cả. Ông cầm súng đi chiến đấu, không ngại gian khổ và cả chết chóc để có được ngày hôm nay. Thế mới biết, có cao sang gì đâu, chỉ cần được làm việc mình thích thế là đủ hạnh phúc rồi.

Nhờ hăng hái lao động, tuổi về hưu ông còn được tuyên dương là nông dân sản xuất giỏi. Thật hiếm thấy một con người nào khác như ông.

Lá rụng về cội, những năm cuối đời ông luôn muốn về sống ở quê mình quãng cuối cuộc đời. Từ một anh nông dân mặc áo lính, nay tóc bạc phơ, ông vẫn yêu quý ruộng đất, thích lao động chân tay. Ông muốn nghỉ ngơi vĩnh viễn gần ông bà, cha mẹ trên mảnh đất mà ông đã ra đời và chiến đấu góp phần giải phóng nó.

Trải qua 2 cuộc chiến tranh khốc liệt mà chỉ nghe kể thôi thì không thể nào hình dung hết những gian khó không thể đong đếm được. Ông đã trở về với đất mẹ, nhưng tên của ông mãi mãi được ghi tạc vào tượng đài những người con anh hùng của tổ quốc.

Tuổi trẻ chúng tôi sinh ra và lớn lên khi chiến tranh đã lùi xa, đất nước đã hoàn toàn thống nhất, Bắc Nam sum họp một nhà. Tuy không được tận mắt chứng kiến cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc ta, nhưng qua những trang sử hào hùng mà tôi đã được học, được đọc càng hun đúc cho chúng tôi lòng tự hào lớn lao về sự nghiệp cách mạng vĩ đại của dân tộc ta.

Và hôm nay đây, tìm hiểu cuộc đời sống, chiến đấu của Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân Trần Công An, chúng tôi càng tự hào về người anh hùng của dân tộc, về người con của đất Đồng Nai. Cuộc đời của ông là tấm gương sáng ngời về lòng yêu nước sâu sắc, lòng dũng cảm của một chiến sĩ Cụ Hồ. Ông đã dâng hiến tuổi thanh xuân và cả cuộc đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất non sông, đem lại hòa bình, tự do, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, ấm no, hạnh phúc cho thế hệ chúng tôi ngày hôm nay. Càng trân trọng và tự hào về ông, chúng tôi càng ý thức sâu sắc rằng, nền độc lập, tự do, hòa bình, thống nhất mà hôm nay chúng tôi có được đã phải đổi bằng xương máu, tuổi xuân, cuộc đời, hạnh phúc của biết bao lớp người đi trước.

Ý thức được điều đó tôi càng hiểu sâu sắc hơn trách nhiệm của thế hệ trẻ chúng tôi hôm nay là phải ra sức gìn giữ cho bằng được những thành quả cách mạng vĩ đại đó. Mỗi thanh niên Việt Nam phải sống sao cho xứng đáng với sự hy sinh cao cả của thế hệ cha anh, xứng đáng với sự tin yêu và kỳ vọng của Đảng, Bác Hồ và của cả dân tộc Việt Nam.

Chúng tôi đã, đang và sẽ tiếp tục lên đường theo tiếng gọi của trái tim yêu nước và lý tưởng cách mạng. Bởi trong suy nghĩ của chúng tôi, thật tự nhiên và giản dị, “con đường của thanh niên chỉ có thể là con đường cách mạng, không có con đường nào khác”. Được tiếp bước cha anh đi theo con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và hàng triệu triệu người dân yêu nước của dân tộc Việt Nam đã chọn, là một vinh dự lớn lao.

Cách mạng nước ta đang chuyển sang thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, với mục tiêu sớm đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển, phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Mục tiêu đó đã đang đặt ra những yêu cầu, trọng trách lớn lao đối với thế hệ trẻ hôm nay.

Đồng Nai ngày nay đang đẩy nhanh quá trình CNH – HDH với mục tiêu trở thành một tỉnh công nghiệp mạnh vào năm 2020. Hơn lúc nào hết, những thế hệ trẻ như chúng tôi càng phải nỗ lực phấn đấu nhiều hơn nữa, tiến quân vào lĩnh vực khoa học công nghệ để làm chủ những kỹ thuật tiên tiến để phục vụ sự nghiệp phát triển quốc tế, chống lại đói nghèo, lạc hậu. Dù không phải là chiến trường với súng ống, đạn bom, khói lửa nhưng cuộc chiến này cũng hề kém phần cam go. Đòi hỏi đất nước ta phải dốc toàn lực ra chiến đấu.

Công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế tạo môi trường hết sức thuận lợi cho sự cống hiến và trưởng thành của mỗi thanh niên, đang đặt ra cho thế hệ trẻ chúng tôi cả cơ hội và thách thức khi muốn vươn lên khẳng định mình, đóng góp sức trẻ vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Càng hơn lúc nào hết, tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân – Đại tá Trần Công An, ta càng phải học tập ông tinh thần yêu nước, say mê lao động và mưu trí sáng tạo. Mỗi người góp một chút sức nhỏ và công cuộc chung của cả nước. Có như vậy đất nước ta mới sớm thoát khỏi đói nghèo, lạc hậu, có thể sánh vai cùng với cường quốc năm châu như lời Bác Hồ đã căn dặn.

Trong thời đại mà mặt trái của kinh tế thị trường đang làm biến đổi nhiều mặt đời sống xã hội, đã xuất hiện ngày càng gia tăng những lối sống thực dụng, ích kỷ và buông thả, thiếu ý thức rèn luyện, non kém về nhận thức chính trị, chưa xác định được lý tưởng sống đúng đắn, sống thụ động, thờ ơ, ngại tham gia các hoạt

động chính trị - xã hội, vi phạm pháp luật,... thì hơn lúc nào hết, nhìn về tấm gương người đi trước, chúng ta càng nâng cao ý thức trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, xứng đáng là thế hệ thanh niên mới tiếp nối truyền thống tự hào của cha anh.

Bác Hồ đã từng nói: *"Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi. Nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước"*.

Ngày nay, tiếng súng chiến tranh không còn, người người được sống trong cảnh hòa bình, tự do, hạnh phúc, nhưng không có nghĩa là chúng ta không còn chiến đấu. Để đi sau về trước trên chiến trường kinh tế, chính trị, đòi người thanh niên thời đại mới phải có trình độ chuyên môn và tay nghề cao để đáp ứng sự phát triển của đất nước đặc biệt trong thời kì hội nhập như hiện nay. Với sự nỗ lực chúng ta sẽ nâng cao được trình độ chuyên môn đóng góp một chút sức trẻ của mình vào sự phát triển của đất nước.

Bên cạnh đó, chúng ta cần có đạo đức và lối sống trong sáng. Như Bác Hồ đã dạy: "Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó". Người ta không thể sống một mình, càng không thể tách rời gia đình, bạn bè, giai cấp và dân tộc. Giá trị của một con người được xem xét trên cơ sở những đóng góp hữu ích đối với cộng đồng. Người ích kỉ là người không quan tâm đến quyền lợi của người khác. Nếu có tài, họ cũng chỉ tìm cách sao cho có lợi cho mình. Người có tài mà phản bội Tổ quốc, đi ngược lại lợi ích của nhân dân thì chẳng những vô dụng mà còn là kẻ phá hoại. Người càng có tài mà kém đạo đức thì tác hại gây ra cho gia đình và xã hội càng lớn. Chúng ta hãy nhìn xem những tệ nạn xã hội hiện nay phần lớn bắt nguồn từ đạo đức và lối sống không tốt của mỗi con người. Mỗi đoàn viên thanh niên là lực lượng cực kì quan trọng trong

sự nghiệp bảo vệ và phát triển đất nước cần phải có ý thức nâng cao đạo đức và lối sống của bản thân. Chỉ khi có một cái tâm vững, thì chúng ta mới có thể làm một điều gì tốt cho xã hội.

Còn đối với tôi cũng vậy cũng đang cố gắng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, tu dưỡng lý tưởng chính trị đạo đức, tạo cho mình một lối sống lành mạnh, rèn luyện sức khỏe thể chất, tinh thần và giữ ngọn lửa của lòng yêu nước, lòng nhiệt huyết của tuổi trẻ luôn bùng cháy trong trái tim. Để hiện tại cũng như tương lai có thể đóng góp một phần nào đó vào sự nghiệp bảo vệ và phát triển đất nước./.

***Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng
Nhị vàng bông trắng lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn***



Câu 2: Hãy trình bày cảm xúc của bạn về tấm gương một trong những vị đại biểu Quốc hội ở Đồng Nai qua các nhiệm kỳ đã qua đời mà bạn biết.

MỞ ĐẦU

Đồng Nai có nhiều con đường mang tên các vị anh hùng, những danh nhân văn hóa, những người có công khai phá, gìn giữ mảnh đất Đồng Nai đậm đà bản sắc bản sắc văn hóa, giàu truyền thống lịch sử. Trong đó, con đường mang tên Hoàng Minh Châu - ở phường Thanh Bình, thành Phố Biên Hòa gây cho tôi ấn tượng mạnh nhất. Một cái tên lẫm mẫm như con gái lại là tên của vị Bí thư tỉnh ủy đầu tiên của tỉnh Biên Hòa ngày trước, đã từng có cuộc đời cách mạng vẻ vang, từng chiến đấu và hi sinh anh dũng. Ông là một trong những người đặt viên gạch đầu tiên cho chính quyền tỉnh Đồng Nai trước giải phóng. Đóng góp công lao to lớn cho công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của cả nước nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng.

I. HOÀNG MINH CHÂU – TỈNH TRƯỞNG CÁCH MẠNG ĐẦU TIÊN CỦA BIÊN HÒA: NGƯỜI CON VỆ TRÒN TRUNG HIẾU

1. Cậu Tư đi làm cộng sản

Hoàng Minh Châu (tên thật là Nguyễn Thành Vỹ, sinh năm 1911, tại làng An Trường, quận Càn Long, tỉnh Trà Vinh).

Cha của ông là ông hào Trí – một người có máu mặt ở làng An Trường (tỉnh Trà Vinh). Do hai người con ra đời trước đều là gái nên Nguyễn Thành Vỹ trở thành cục cưng của ông và được mọi người gọi là Cậu Tư.



Chủ tịch Ủy ban Cách mạng đầu tiên của tỉnh Biên Hòa Hoàng Minh Châu

Vốn mang họ Bùi của cụ cố tổ Bùi Quý, là lưu dân Ngũ Quảng được đưa vào vùng đất hoang vu ven sông Cổ Chiên lập nghiệp, khi đã có của ăn của để và trở thành hương hào làng An Trường, ông Bùi Văn Chí đổi qua họ Nguyễn: Nguyễn Văn Chí.

Thế nhưng làng lính, dân đinh ở An Trường gặp ông cứ một hai “bầm ông hào Trí”. Anh vợ của ông hào Trí cũng không phải dân thường, ông Tám Đòn là hương giáo trong làng. Do đó, đi học ở trường Tiểu học Càng Long, cậu Tư Vỹ cũng đi bằng xe ngựa và đến khi vào học trường trung học ở tỉnh lỵ, Trà Vinh, cách nhà đến 20 km, mỗi tuần cậu Tư đều có xe ngựa nhà đưa đón.

Năm 1930, vừa tròn 18 tuổi, cậu Tư Vỹ đã thi đậu bằng diploma, làm cho Chủ quận Càng Long là Đốc phủ Hồ Văn Trung (tức nhà văn Hồ Biểu Chánh) hết lời khen ngợi. Đốc phủ Trung mời Nguyễn Thành Vỹ ra làm quan đốc học, nhưng không ngờ Tư Vỹ từ chối. Không phải cậu Tư chê dân quận Càng Long có trên 95% mù chữ mà lý do Cậu Tư đưa ra rất rõ là không thèm làm việc cho Tây.

Thấy con trai không chịu ra làm quan mà thường hay vắng nhà, lúc về mang theo cả chồng báo Le Peuple L'avant – garde... cắt dán đầy trên gác, lại còn nghe nói là Cậu Tư có liên lạc với ông thầy giáo Châu Văn Liêm và mấy “ông cộng sản” Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp... ông Hào Trí rất giận và quyết định bắt con trai phải cưới vợ để “cầm chân nó lại”.

Nói là làm, từ lúc ông hào Trí dắt Nguyễn Thành Vỹ sang làng Nhị Long để coi mắt cô nữ sinh Nguyễn Thị Khê mới 17 tuổi cho đến khi làm đám cưới chỉ đúng 1 tháng.

Có một điều mà ông hào Trí không thể nào ngờ là xã An Trường có phong trào cách mạng đang sục sôi. Năm 1927, Chi bộ Thanh Niên Cách mạng đồng chí hội đầu tiên của Càng Long được thành lập. Sau đó, Kỳ bộ Thanh niên đã bố trí cho hai thanh niên của An Trường là Nguyễn Văn Lẹ và Nguyễn Phát Đạt sang tận Quảng Châu Trung Quốc học lớp huấn luyện của Tổng bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội.

Vào giữa tháng 3/1930, tức là sau ngày thành lập Xứ ủy Nam Kỳ do đồng chí Ngô Gia Tự làm Bí thư chưa đầy một tháng thì ngay tại An Trường, đồng chí

Ung Văn Khiêm cùng Bí thư Đặc khu ủy Hậu Giang Hà Huy Giáp đã về tận nơi để thành lập chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên của tỉnh Trà Vinh. Đó là chi bộ An Trường trực thuộc đặc khu ủy Hậu Giang.

Ngày 1/8/1930, Chi bộ An Trường đã tổ chức một cuộc meeting tuần hành có quy mô không lồ, thu hút khoảng 4.000 đồng bào các dân tộc Kinh, Khơ me, Hoa ở Càng Long đến sân banh ấp 3, xã An Trường giương cao biểu ngữ: “Hoan nghênh Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời”. Cuộc biểu tình bị chủ tỉnh Trà Vinh Landron và cò Vatin mang lính đến đàn áp, gây đổ máu, nhưng lần đầu tiên yêu sách của nông dân Càng Long được nêu lên công khai, gây tiếng vang lớn trong cả nước.

Không trực tiếp tham gia cuộc biểu tình lịch sử này vì nằm trong một đường dây bí mật của Xứ ủy viên Hà Huy Giáp. Nhưng cậu Tư Nguyễn Thành Vỹ vẫn nắm khá rõ diễn biến và phương pháp tổ chức cuộc biểu tình này.

Một năm sau khi cưới vợ, Nguyễn Thành Vỹ đã có đứa con trai đầu lòng. Anh vui mừng đặt tên con là Nguyễn Thành Chánh. Công tác cách mạng sau đó cứ cuốn hút chàng công tử đất An Trường. Mặc dù quê ở tận Hà Tĩnh, Hà Huy Giáp rất ưa thích Nguyễn Thành Vỹ, ông coi đây là vốn quý của cách mạng – một trí thức trẻ có bằng diplome hết sức hiếm hoi của trà vinh và cả các tỉnh miền Tây nên thường cho theo mình lặn lội khắp Cần Thơ, Rạch Giá, Bến Tre, Trà Vinh...

Ngay đến việc Nguyễn Thành Vỹ chọn tên hoạt động là Hoàng Minh Châu một cách khá lãng mạn ông cũng đồng ý. Và khi có yêu cầu của Xứ ủy về việc tăng cường miền Đông đang gặp khó khăn trong phong trào cách mạng, Hà Huy Giáp đã cử Hoàng Minh Châu đến Liên Tỉnh ủy miền Đông. Không phụ lòng tin của Xứ ủy, chỉ thâm nhập Biên Hòa một thời gian ngắn, Hoàng Minh Châu đã móc rập với Tư Chà (Lưu Văn Viết) kết nạp các thanh niên ưu tú vào Đảng, thành lập chi bộ Bình

Phước – Tân Triều, tạo ra một mốc lịch sử quan trọng, một bước phát triển mới của phong trào cách mạng ở tỉnh Biên Hòa.

Năm 1936, Xứ ủy Nam Kỳ và Ủy ban trừ bị Đông dương Đại hội vừa thành lập tại Sài Gòn đã cử đồng chí Dương Bạch Mai và Nguyễn Văn Nghĩa về Biên Hòa trực tiếp tổ chức và chỉ đạo phong trào cách mạng đang phát triển mạnh. Hoàng Minh Châu bàn giao nhiệm vụ cho Nguyễn Văn Nghĩa và quay về Trà Vinh. Thêm một đứa con trai của Hoàng Minh Châu ra đời, ông đặt tên cho nó là Nguyễn Thành Đệ.

Thời gian này, không khí đấu tranh cách mạng sôi động khắp vùng nông thôn Càng Long. Chỉ trong năm 1937, xã An Trường đã mở ra đến 5 cuộc biểu tình, thị uy và đấu tranh. Trong đó nổi cộm là vụ meeting rồi chuyển thành biểu tình rầm rộ của hàng ngàn người giương cao 4 là cờ đỏ búa liềm và các biểu ngữ: Tự do tổ chức báo chí, thả tù chính trị, bãi bỏ thuế thân... ở ấp 7 xã An Trường do Hoàng Minh Châu cùng các đảng viên nòng cốt ở đây như Nguyễn Thanh Thi, Nguyễn Văn Thứ... tổ chức. Ban đầu, tên chủ quận chấp nhận yêu sách, hứa sẽ giải quyết, sau đó y trở mặt bắt 68 người tống vào khám lớn Trà Vinh rồi chúng đưa 6 người ra tòa và tuyên án một người 3 năm tù giam, trong đó có Hoàng Minh Châu.

Ngày 4/4/1937, tức nửa tháng sau, một cuộc chiến lớn hơn nổ ra ở Càng Long để đòi thả những người bị bắt. Trước áp lực của hội tề xã, hương hào Nguyễn Văn Chí đành phải tuyên bố từ đứa con hoạt động cho cộng sản. Nhưng phong trào cách mạng ở An Trường phát triển lên đến 1.198 đảng viên. Người con trai kế của ông hào Trí là Nguyễn Thành Công, thoát ly gia đình tham gia kháng chiến. Sau đó ông Chín Công bị địch bắt đày ra Côn Đảo. Sau ngày giải phóng, ông làm Phó chủ tịch UBND huyện Càng Long, vào năm 1998 được trao huy hiệu 50 năm tuổi Đảng. Con dâu ông Hào Trí là cô Tư Khê mặc dù phải nuôi 2 con nhỏ và chồng đang ở tù khám lớn Trà Vinh rồi chuyển lên khám lớn Sài Gòn, nhưng vẫn bí mật tham gia

công tác phụ nữ ở An Trường và trở thành Hội trưởng Hội phụ nữ huyện Càng Long.

Mãn hạn tù, Hoàng Minh Châu không trở lại An Trường mà tìm đường về đến cơ quan Xứ ủy.

2. Thành lập Chi bộ Đảng Bình Phước – Tân Triều

Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ không thành, giặc Pháp khủng bố khốc liệt đối với làng An Trường. Chúng lung sức gặt gao hay an hem Nguyễn Thành Vỹ và Nguyễn Thành Công và xếp nhà ông hào Trí vào diện gia đình cộng sản. Đội Can – tên thật là Nguyễn Văn Vịnh nổi tiếng hung ác ở Càng Long thường dẫn lính đến hạch hỏi.



Ngôi nhà của ông Ba Hiệp – nơi diễn ra những cuộc họp của Chi bộ Đảng Bình Phước – Tân Triều

- Thằng Vỹ làm cộng sản bạo loạn ở Càng Long đầu rồi?

Chị Tư Khê phải tìm cách nói khéo:

- Anh bỏ mấy mẹ con tui để theo vợ bé lâu rồi. Nghe nói đâu anh đang làm ăn gì đó với con nhỏ đó ở Rạch Giá. Mấy ông đến Rạch Giá mà tìm...

Quả thật, chủ quận Càng Long lẫn Đội Can đều nhận được báo cáo của bọn mật thám và làng lính là: Tên Nguyễn Thành Vỹ có dẫn theo cô Trần Thị Khê tình nghi là vợ bé nhà ở ấp 5, xã An Trường bỏ nhà trốn đi đâu không rõ.

Thế nhưng trong những trận ruồng bố ở An Trường, bị đòn đau của dân quân du kích, chúng đều đến nhà ông hào Trí đòi đốt. Phía bên này An Trường – Nhi Long lẫn bên kia sông Cổ Chiên là Vũng Liêm đều bị giặc đốt phá, triệt hạ hết nhà cửa mà chúng cho là có chứa chấp cộng sản. Ông hào Trí phải nhiều lần đem ra cái danh nghĩa hương hào cùng tiền, vàng mới giữ ngôi nhà còn được đứng trên đất An Trường.

Thực hiện lời tuyên bố công khai của toàn quyền Catroax ngày 4/1/1940: Chúng ta đánh toàn diện và mau lẹ vào các tổ chức cộng sản. Trong cuộc đấu tranh này phải tiêu diệt cộng sản thì xứ Đông Dương mới được yên ổn và trung thành với nước Pháp. Chúng ta không có quyền không thắng. Tinh thần chiến tranh buộc chúng ta hành động không một chút thương tiếc, bọn giặc rat ay đàn áp đẫm máu đồng bào, chiến sĩ cách mạng. Từ năm 1941 đến 1943 là thời kỳ hết sức khó khăn đối với các Đảng bộ cộng sản ở Nam bộ. Xứ ủy và các Liên tỉnh ủy bị phá vỡ và lập đi lập lại nhiều lần. Phần lớn cán bộ đảng viên bị bắt cầm tù... một số phải chuyển vùng, lánh về nông thôn, đồn điền cao su ả náu. Đến giữa năm 1943, các đồng chí Phạm Văn Búng, Nguyễn Văn Nghĩa, Phạm Văn Khoai, Hồ Văn Đại, Nguyễn Văn Ký... vượt ngục Tà Lài, Bà Rá hoặc từ nơi tạm lánh trở về đã móc nối, liên lạc được với nhau, bước đầu hình thành các nhóm, các tổ chức Việt Minh ở Biên Hòa. Cùng lúc, đồng chí Hoàng Minh Châu lại được xứ ủy Nam kỳ cử về lại Biên Hòa hoạt động. Lần này đi cùng với nhà hoạt động cách mạng chuyên nghiệp 32 tuổi là nữ đồng chí Hai Khê (Trần Thị Khê) 29 tuổi. cùng cô con gái đầu lòng

của họ được đặt tên là Nguyễn Thị Lang. Qua một thời gian hoạt động bí mật cùng nhau, hai chiến sĩ cộng sản đồng hương An Trường đã gắn bó số phận với nhau thành một gia đình.

Đã sẵn có mối quan hệ từ trước, lần trở lại Biên Hòa vào giữa năm 1943 này đối với Hoàng Minh châu có nhiều thuận lợi hơn. Nơi đồng chí vào làm việc vẫn là Sở Trường Tiền thuộc ty Kiều Lộ Biên Hòa. Chỉ một thời gian ngắn sau, Hoàng Minh Châu đã tuyên truyền và giác ngộ được một số công nhân. Đến cuối năm 1943, đồng chí Hoàng Minh Châu tổ chức kết nạp 5 công nhân ưu tú vào Đảng và thành lập chi bộ, lấy tên là chi bộ Trường Tiền. Những đảng viên trong chi bộ Trường Tiền lại bung ra móc nối xây dựng mạng lưới cơ sở ở Hóa An, Tân Phong, Tân Mai, Bửu Long, Tam Hiệp...

Từ đó, khí thế cách mạng của nhân dân Biên Hòa mà nòng cốt là các cơ sở Đảng đã được tập hợp tạo thành cơ sở vững chắc đưa phong trào quần chúng ở Biên Hòa cùng với cả nước nhất tề vùng dậy khởi nghĩa giành lấy chính quyền trong những ngày mùa thu lịch sử năm 1945.

Đầu năm 1935, đồng chí được Liên tỉnh ủy miền Đông cử về Biên Hòa hoạt động. Tại đây, đồng chí đã liên lạc với nhóm đồng chí Lưu Văn Viết (Đảng viên Đảng cộng sản – người con của Tân Triều) tập hợp những đảng viên trẻ, đồng thời giáo dục giác ngộ một số thanh niên là công nhân Sở Trường Tiền vận động, bàn bạc kế hoạch để thành lập chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ở Biên Hòa, đó là chi bộ Đảng Bình Phước – Tân Triều và chính đồng chí Hoàng Minh Châu là bí thư đầu tiên của chi bộ này.

3. Khởi nghĩa cách mạng, thành lập chính quyền

Cuối tháng 5-1945, đại diện Xứ ủy đã triệu tập hội nghị liên tỉnh miền Đông tại ấp Vĩnh Cửu (nay thuộc phường Tam Hiệp, TP. Biên Hòa) để phổ biến chủ

trương của Trung ương Đảng về tình hình, nhiệm vụ mới. Trọng tâm là họp bàn kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền tỉnh Biên Hòa nhằm chuẩn bị lực lượng để tham gia tổng khởi nghĩa trên phạm vi cả nước, hai đồng chí Hoàng Minh Châu cùng Huỳnh Văn Hón được cử làm đại biểu cho Đảng bộ Biên Hòa tham gia hội nghị. Tại hội nghị này Ủy ban khởi nghĩa tỉnh Biên Hòa được thành lập và nhất trí cử đồng chí Hoàng Minh Châu làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh.

Trong kế hoạch khởi nghĩa, đồng chí Hoàng Minh Châu đã phân công cho đảng viên Hồ Văn Đại chịu trách nhiệm vận động ông Kinh lý Nguyễn Văn Tàng đứng ra thuyết phục cháu mình là tỉnh trưởng Nguyễn Văn Quý chấp nhận việc bàn giao chính quyền để tránh đổ máu; đồng thời phân công cho đảng viên Ngô Hà Thành (phụ trách quốc gia tự vệ cuộc) và Nguyễn Văn Long (phụ trách lực lượng cảnh sát) đến gặp tướng Ikada - Chỉ huy quân đội Nhật đang đóng tại Biên Hòa để yêu cầu Nhật không được can thiệp vào hoạt động của Ủy ban kháng chiến đồng thời phải giao nộp vũ khí, chỉ chỗ chôn giấu, cất giữ phương tiện chiến tranh. Riêng đám lính mã tà, lính thủ hộ, vệ binh (Garde Civile Locale) làm nhiệm vụ bảo vệ và gác cổng Tòa bố và các công sở cũng đã được vận động nộp súng cho lực lượng tự vệ hoặc án binh bất động để tránh xung đột vũ trang.

Ngày 20/8/1945, tại chợ Đệm, Xứ ủy Nam Kỳ do đồng chí Trần Văn Giàu chủ trì mở hội nghị phổ biến kế hoạch tổng khởi nghĩa ở Nam bộ. Đúng 3 ngày sau, tại một căn nhà trong dãy phố Sáu Sứ, nay thuộc phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, các đảng viên cộng sản hoạt động ở Biên Hòa do đồng chí Hoàng Minh Châu chủ trì đã họp kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền tại tỉnh lỵ Biên Hòa. Hội nghị đã thống nhất việc thành lập Ủy ban Khởi nghĩa và giao cho đồng chí Hoàng Minh Châu làm chủ tịch. Thành phần Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Biên Hòa được dự kiến trước khi cướp được chính quyền cũng do đồng chí Hoàng Minh Châu làm chủ tịch.

Sáng sớm ngày 27-8-1945, gần một vạn người từ khắp các quận Xuân Lộc, Tân Uyên, Long Thành, Dĩ An, Châu Thành ... nô nức kéo về Quảng trường Sông Phố của tỉnh lỵ Biên Hòa để dự cuộc mít - tinh lớn. Sau diễn văn khai mạc của ông Dương Bạch Mai - đại diện Xứ ủy Nam kỳ kiêm đại diện Mặt trận Việt Minh ở Nam bộ là phần công bố thành phần Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời (UBND CMLT) tỉnh Biên Hòa. Theo đó, Chủ tịch UBND CMLT tỉnh là ông Hoàng Minh Châu - vị Chủ tịch UBND tỉnh đầu tiên của tỉnh Biên Hòa lúc ấy mới 34 tuổi.

Vào năm 1936, Nguyễn Văn Nghĩa là người đầu tiên công khai diễn thuyết tuyên truyền về chủ nghĩa Cộng sản ở tỉnh Biên Hòa và đứng ra thành lập Ủy ban hành động. Năm 1939, ông bị bắt đày đi cǎng (Camp) Bà Rá và sau đó bị quản thúc ở Biên Hòa .

Sự kiện này xảy ra ngoài dự kiến của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh Biên Hòa, nên chủ tịch Hoàng Minh Châu bèn đề nghị tạm dừng lại để xin ý kiến của Xứ ủy. Được đồng chí Dương Bạch Mai - đại diện Xứ ủy Nam kỳ và đang giữ cương vị thanh tra chính trị miền Đông chỉ đạo, vào lúc 11 giờ trưa ngày 26-8-1945, Hoàng Minh Châu cùng các đồng chí trong Ủy ban khởi nghĩa tỉnh đến tiếp nhận và chứng kiến bàn giao chính quyền tỉnh Biên Hòa về tay nhân dân.

Với cương vị Chủ tịch UBND CMLT tỉnh Biên Hòa, ông Hoàng Minh Châu đã tuyên bố truất quyền sở hữu toàn bộ các đồn điền cao su, nhà máy chế biến lâm sản, nhà máy khai thác đá, cát... , nhà máy xay lúa gạo... của giới chủ tư bản Pháp, đồng thời tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến chia cho nông dân, đặc biệt là ra quyết định bãi bỏ thuế thân và nhiều thứ thuế bất hợp lý khác do thực dân Pháp đặt ra. Vị Chủ tịch UBND tỉnh Hoàng Minh Châu còn ra quyết định giảm thuế, giảm tô để khuyến khích nông dân tăng gia sản xuất...

Ngày 23/9/1945, thực dân Pháp ngang nhiên gây hấn, nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, Gia Định. Ngay tối đó, đồng chí Hà Huy Giáp thay mặt Xứ ủy Nam bộ triệu tập Hội nghị cán bộ toàn tỉnh Biên Hòa tại Nhà hội xã Bình Trước nay là Bảo tàng thành phố Biên Hòa. Với 40 đảng viên từng hoạt động ở Biên Hòa trước năm 1945 và từ nhà tù Côn Đảo, khám lớn Sài Gòn được Xứ ủy Nam bộ giới thiệu về. Hội nghị đã bầu Ban chấp hành Tỉnh ủy Biên Hòa lâm thời. Bí thư là đồng chí Trần Công Khanh, đồng chí Hoàng Minh Châu làm phó Bí thư Tỉnh ủy.

Ngày 24/10/1945, quân Pháp có quân Anh yểm trợ dùng chiến xa mở đường vượt cầu Gành đánh chiếm Biên Hòa thì thị xã đã vắng lặng, không chợ, không điện, nước... Trước đó, khi biết tin Pháp tăng viện phá được vòng vây Sài Gòn, Tỉnh ủy và UBND tỉnh Biên Hòa đã ra lệnh “tiêu thổ kháng chiến” và nhanh chóng đưa các cơ quan lãnh đạo chuyển về xây dựng căn cứ ở Tân Uyên. Chủ tịch UBND tỉnh Hoàng Minh Châu cùng vợ, con cũng rời khỏi Tòa bố Biên Hòa đi về căn cứ Tân Uyên.

Do không nắm vững được sách lược mới của Đảng, nên khi nghe tuyên bố của Trung ương Đảng ngày 11/11/1945 là Đảng Cộng sản Đông Dương tự giải tán”, Tỉnh ủy Biên Hòa cũng... giải tán. Bí thư Tỉnh ủy và các đồng chí trong Tỉnh ủy vội vã rời khỏi chiến trường Biên Hòa để ra Phan Thiết và các tỉnh miền Tây Nam bộ, đồng chí Hoàng Minh Châu vẫn quyết định ở lại với các đảng viên là người Biên Hòa như: Phạm Văn Thuận, Huỳnh Văn Lũy, Hồ Văn Đại, Phạm Văn Khoai, Nguyễn Văn Nghĩa...

Trong không khí kháng chiến sôi nổi đó, ngày 6/1/1946, cử tri tỉnh Biên Hòa, trừ xã Bình Trước nằm ở giữa trung tâm thị xã do Pháp kiểm soát, đã nô nức tham gia cuộc bầu cử Quốc dân Đại hội (Quốc hội) khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đắc cử đại biểu quốc hội khóa đầu tiên của đơn vị Biên Hòa gồm: Phạm Văn Búng, Hoàng Minh Châu, Điều Xiêng.

Hoàng Minh Châu đã bàn giao công việc lại cho ông Nguyễn Văn Tàng – người được cử làm Quyền chủ tịch tỉnh Biên Hòa để ra Hà Nội dự họp quốc hội khóa thứ I. Cũng cần biết, Nguyễn Văn Tàng vốn là viên kinh lý của chính quyền thực dân Pháp và là chú của Tỉnh trưởng Biên Hòa Nguyễn Văn Quý đã được Hoàng Minh Châu thay mặt cho Ủy ban Khởi nghĩa tỉnh Biên Hòa thuyết phục để ông vận động cháu mình bàn giao chính quyền cho cách mạng một cách êm thấm, tránh đổ máu, rất được xú ury khen ngợi, đánh giá cao.

Trong khi Hoàng Minh Châu tìm đường ra vùng giải phóng Nam – Ngãi – Bình – Phú, trong đó ở Phú Yên còn đường xe lửa nối liền với Hà Nội để đi họp Quốc hội thì bà Trần Thị Khê cùng hai con và hơn chục nhân viên tùy tùng của “ông Tỉnh trưởng” rời chiến khu Đ kéo nhau về Trà Vinh – quê chồng để sinh sống chờ ngày ông “nghị sĩ” đi họp ở Hà Nội về.

4. Đấu tranh đòi thả tự do cho “Nghị sĩ quốc hội Hoàng Minh Châu

Quốc hội họp xong, Hoàng Minh Châu theo xe lửa về lại Phú Yên. Tại Sông Cầu, Nguyễn Hồng Phong, Hoàng Minh Châu xin quá giang chiếc tàu thủy không số chở vũ khí do đồng chí Nguyễn Thị Định xin được của Trung ương về Bến Tre. Chiếc tàu không số này do Đặng Văn Qua thuộc đơn vị hàng hải miền Nam đóng ở Trà Vinh làm thuyền trưởng (sau này ông Đặng Văn Qua là Cục phó Cục Hàng hải Việt Nam).

Về đến Thạnh Phú (tỉnh Bến Tre), Hoàng Minh Châu không đi tiếp về Trà Vinh mà tìm đường lên Biên Hòa. Tối đó, ghé vào nhà người chị vợ ở Tân Định là bà Trần Thị Nguyệt có chồng làm y tá ở nhà thương Sài Gòn. Tại đây, Hoàng Minh Châu bị bọn mật thám Pháp ập vào bắt. Chúng đưa Hoàng Minh Châu về bót Catinat khét tiếng ở Sài Gòn rồi thi nhau đánh đập, tra tấn rất dã man. Địch thân tên

cò Bazin – Chánh mật thám miền Đông đến gặp Hoàng Minh Châu. Và 2 người có cuộc trao đổi bằng tiếng Pháp. Bazin nói giọng đặc trưng:

- Ê! Thằng Vỹ - mày là thằng Nguyễn Thành Vỹ quê ở Càng Long, Trà Vinh, mày làm bạo loạn định cướp chính quyền ở Càng Long, đã bị tao tóm cho đi tù... này mày thay tên đổi họ là Hoàng Minh Châu cũng không thoát khỏi tay tao. Có mấy thằng chủ đồn điền, chủ đất, chủ nhà máy... đến kiên mày đòi lại tài sản khi mày làm chủ tỉnh Biên Hòa mày đã ra lệnh tịch thu của họ.

- Những tài sản đó có được là nhờ sự tiếp tay của nhà nước “Đại Pháp” các ông. Họ bóc lột công nhân, nông dân mà có. Tôi thay mặt nhân dân ra lệnh tịch thu để trả lại cho dân. Ông hãy nói với họ đến gặp dân mà đòi. Còn đối với tôi hiện nay đang bị các ông giam giữ trái phép. Tôi là nghị sĩ quốc hội của nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa. Một nước độc lập, có chủ quyền được quốc tế thừa nhận. Theo luật Quốc tế, Nghị sĩ quốc hội được quyền bất khả xâm phạm về thân thể, chắc nước pháp cũng tuân thủ Luật quốc tế và Việt Nam chúng tôi cũng vậy. Ta phải đối xử với nhau theo Luật quốc tế. Tôi hiện nay hai tay chỉ có còng, hai chân chỉ có xiềng, khắp thân thể đầy thương tích. Như vậy các ông tự xưng là dân chủ, văn minh được ư?

Báo chí tiến bộ ở Sài Gòn đồng loạt lên tiếng về việc bắt giữ trái phép Nghị sĩ quốc hội Hoàng Minh Châu. Từ Hà Nội, Chính phủ ta gửi công điện vào Sài Gòn phản đối việc bắt giữ đại biểu quốc hội Hoàng Minh Châu và cho hành động này của nhà cầm quyền Pháp ở Sài Gòn là hành vi thô bạo vi phạm đến Hiệp ước Sơ bộ mà hai bên vừa ký kết vào ngày 6/3/1946. Trước công luận phản ứng mạnh mẽ, bọn thực dân Pháp buộc lòng phải thả Hoàng Minh Châu vô điều kiện. Nhưng do chúng tra tấn, đánh đập “ngài nghị sĩ Việt Nam” với tương tích quá nặng nên chúng thương lượng đưa ngài Nghị sĩ bằng máy bay ra tận Hà Nội.

5. Những năm tháng cuối đời

Sau một thời gian được cứu chữa, sức khỏe của đại biểu quốc hội Hoàng Minh Châu tương đối bình phục. Chủ tịch Hồ Chí Minh đến Phòng Nam bộ thăm hỏi cán bộ từ miền Nam ra chờ phân công tác. Nghe nguyện vọng của Hoàng Minh Châu muốn trở về Nam bộ, Bác đồng ý và sau khi trao đổi, bàn bạc công việc, Người đã quyết định cử Hoàng Minh châu làm đặc phái viên của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa tại các tỉnh miền Tây Nam bộ.

Là đặc phái viên của Trung ương lại trong điều kiện sức khỏe rất kém nhưng Hoàng Minh Châu vẫn hết sức quan tâm đến việc nâng cao trình độ chính trị cho cán bộ.

Ông cùng với Tỉnh ủy Trà Vinh, Vĩnh Long, Bến Tre, Sa Đéc... liên tục mở nhiều lớp huấn luyện chính trị và trực tiếp đứng ra giảng bài. Được chỉ đạo của Trung ương Đảng, Hoàn Minh Châu sinh hoạt Đảng tại cơ quan Đảng bộ tỉnh Trà Vinh và được đề cử ra ứng cử Hội đồng Nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Bộn bề với bao công việc, trong đó có cả việc chuẩn bị ra làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính Kháng chiến tỉnh Trà Vinh thì cơn đau do đòn roi tra tấn của kẻ thù ở bót Catinat bộc phát.

Vào lúc 18 giờ tối 19/6/1948 người chiến sĩ cộng sản kiên cường Hoàng Minh Châu nhắm mắt từ giã cõi đời ở tuổi 37 tại bệnh viện kháng chiến tỉnh Vĩnh Long.

Lần đầu tiên trong đời, ông hương hào Trí – người nổi tiếng nghiêm khắc và cứng rắn đã không cầm giấu những giọt nước mắt tiếc thương để khóc cho “thằng con cộng sản ngang tang” mà ông đã lên tiếng từ bỏ. Và sau đó, khi hai cháu nội là Nguyễn Thành Chánh và Nguyễn Thành Đệ từ biệt gia đình để lên đường kháng chiến, chính ông Nguyễn Văn Trí đã cầm tay dặn dò:

- Ba tụi bây đã làm rạng danh cho người cộng sản trên đất An Trường, Càng Long này. Giờ tụi bây đi theo con đường của ba tụi bây là rất đúng. Lúc Hoạt động nó lấy tên là Hoàng Minh Châu, giờ ông nội cũng cho phép hai cháu lấy họ Hoàng và ráng đánh giặc để xứng đáng là con của liệt sĩ Hoàng Minh Châu.

II: HOÀNG MINH CHÂU – NGƯỜI ANH HÙNG CỦA ĐẤT ĐỒNG NAI

“Phải bao máu thấm trong lòng đất

Mới ánh hồng lên sắc tự hào”.

Hoàng Minh Châu đã ngã xuống nhưng sự nghiệp vẻ vang mà ông để lại được thế hệ sau ông tiếp bước. Cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ dành được thắng lợi, ngày 30/4/1975, đất nước được hoàn toàn độc lập, giang sơn thu về một mối. Nhân dân Đồng Nai được sống trong hòa bình, độc lập, chí thú làm ăn, phát triển kinh tế. Đến nay cùng với bao biến thiên, thăng trầm của thời gian, tỉnh Biên Hòa ngày xưa cũng đã trở thành tỉnh Đồng Nai ngày nay, mảnh đất nơi ông và các đồng chí, đồng đội khai sinh ra chính quyền những ngày đầu tiên trở thành một tỉnh công nghiệp giàu mạnh.

Ghi nhận công lao đóng góp to lớn của ông, ngày 06 tháng 9 năm 2007, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 2854/QĐ-UBND Triển khai thực hiện Nghị quyết số 91/2007/NQ-HĐND ngày 25/7/2007 về việc đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng tại thành phố Biên Hòa. Theo đó, đường Bùi Văn Hòa cũ được đổi tên thành đường Hoàng Minh Châu. Đường Bùi Văn Hòa chuyển về khu vực Long Bình, nơi trước đây đồng chí đã hoạt động cách mạng.

Đường Hoàng Minh Châu có chiều dài 320m, lộ giới 19m, nối liền 2 con đường Cách mạng Tháng Tám và đường Nguyễn Văn Trị. Khu vực này cũng gần với những con đường mang tên những đồng chí hoạt động cách mạng cùng thời với ông như: Huỳnh Văn Lũy, Hồ Văn Đại, Hà Huy Giáp... Nơi đây cũng là trụ sở của Liên đoàn Lao động Đồng Nai, báo Lao động Đồng Nai, Bệnh xá Công an tỉnh.

Cuối đường hướng ra con sông Đồng Nai hiền hòa. Vào mỗi buổi sáng hoặc lúc chiều tà, nhìn từ đầu đường có thể thấy ánh sáng lấp lánh phản chiếu trên mặt nước.

Đi dọc con đường Hoàng Minh Châu trong một buổi chiều cuối tháng 11, tôi bùi ngùi tưởng nhớ đến người con đất Trà Vinh đã hi sinh cả tuổi thanh xuân tươi đẹp của mình để đi theo tiếng gọi thiêng liêng của đất nước. Biết ơn ông và thế hệ những người anh hùng của đất Đồng Nai ngày xưa đã đặt những viên gạch đầu tiên để xây nên tỉnh Đồng Nai tươi đẹp hôm nay.



Tác giả chụp ảnh tại đường Hoàng Minh Châu

Càng đọc, càng tìm hiểu thêm nhiều tư liệu về ông, tôi càng bồi hồi xúc động khi biết những cái địa danh quen thuộc, thân thương như: Bửu Long, Hóa An, Tân Phong, Tam Hiệp... nơi mà lớp trẻ chúng tôi sinh sống hôm nay đã từng mòn dẫu chân ông và các đồng chí cách mạng kiên trung.

Tâm trí tôi như đang ngược về những ngày cả dân tộc huy động toàn lực lượng đấu tranh chống giặc ngoại xâm, thời những con người đã vì tiếng gọi của tổ quốc mà dẹp bỏ tình riêng để vun đắp cho tình cảm thiêng liêng to lớn hơn – tình

yêu đất nước. Những cuộc meeting biểu tình đòi tự do, dân chủ, những cuộc họp bàn kế hoạch đánh giặc, hoạt động cách mạng của các đồng chí cách mạng, không khí hân hoan trong ngày đầu tiên người dân đi bỏ lá phiếu bầu ra nhà nước mới trong hoàn cảnh bị thù trong giặc ngoài kìm kẹp... như hiện lên rõ mồn một theo từng trang sách lật giở.

Bản thân tôi nhiều lần đi, về trên con đường Hoàng Minh Châu, nhưng chỉ khi đến với Hội thi Tìm hiểu Văn hóa Lịch sử Đồng Nai, tôi mới có dịp tìm hiểu sâu hơn về tấm gương hy sinh anh dũng và những cống hiến to lớn của đồng chí Hoàng Minh Châu đối với sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân nói chung và với công cuộc kháng chiến đầy khó khăn, gian khổ của mảnh đất giàu truyền thống Đồng Nai nói riêng.

Đối với tôi, Hoàng Minh Châu là người chiến sĩ cách mạng đặc biệt, bởi vì ông là liệt sĩ chưa từng cầm súng trên tay để giết giặc. Mặc dù vậy, cuộc đời hoạt động cách mạng của ông không thiếu chông gai mà lại vô cùng hào hùng, lãng mạn.

Sẽ chẳng có ai ép buộc một “Cậu Tư” Võ thoát ly khỏi cuộc sống giàu sang, sung sướng mà ông hào Trí đã xây dựng nên. Tất cả chính là từ ánh sáng của cách mạng đã soi rọi vào trái tim của một trí thức yêu nước sớm sinh ra trong hoàn cảnh cả dân tộc đang chịu nỗi đau xâm lược bởi một thế lực hùng mạnh hơn gấp nhiều lần. Một dân tộc chưa thoát khỏi cái bóng của nền cai trị phong kiến suốt hàng ngàn năm lạc hậu đã phải đối đầu với kẻ thù hung hãn có nền kinh tế và tiềm lực quân sự đứng nhất nhì trên thế giới, hơn thế là đã tâm cướp nước để biến người dân Việt Nam chưa được tiếp cận với nền văn minh thế giới thành nô lệ.

Cái khí khái không chịu làm việc cho Tây của Hoàng Minh Châu là biểu hiện của lòng tự tôn dân tộc, lòng yêu nước đã hình thành trong trái tim của một trí thức trẻ tuổi sớm tiếp xúc với văn minh Tây học nhưng không bị đồng hóa. Sống

trong cái nôi cách mạng, giữa bầu không khí sục sôi tránh đấu của người dân An Trường, lại sớm được các đồng chí hoạt động cách mạng giác ngộ, ông không chịu yên phận trong cuộc sống giàu sang, nhưng lựa mà cha ông đã trải sẵn.

Chế Lan Viên đã từng cảm thán trong một đoạn thơ của bài thơ Người đi tìm hình của nước:

“Lũ chúng ta ngủ trong giường chiếu hẹp

Giấc mơ con đè nát cuộc đời con

Hạnh phúc đựng trong một tà áo đẹp

Một mái nhà yên rủ bóng xuống tâm hồn

Trăm cơn mơ không chóng nổi một đêm dài

Ta lại mặc cho mưa tuôn và gió thổi

Lòng ta thành con rối

Cho cuộc đời giật dây”

Ai cũng có quyền lựa chọn hạnh phúc, ai cũng có quyền lựa chọn con đường dễ dàng, sống cuộc sống yên bình trong lũy tre làng bởi vì đó chính là bản năng của con người. Nhưng vượt lên trên tất cả, Hoàng Minh Châu không chọn sống một cuộc đời đón hèn, không chịu sống trong giấc mơ con con chỉ là làm một thầy giáo dạy học, không muốn trở thành “con rối cho cuộc đời giật dây”. Trước sự trăn trở của thời đại, chính ông, người nhiều chữ hiếm có trong làng An Trường, cả Quận Càng Long và cả Nam Kỳ lục tỉnh đã sớm tiếp cận với những luồng tư tưởng mới và như với một lẽ tất nhiên, con đường cách mạng là con đường định sẵn mà ông phải đi.

Trong cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc ta, người lính không chỉ cầm súng giết giặc trên chiến trường mà còn là chiến sĩ trên mặt trận chính trị, kinh tế.

Dù cuộc chiến của của những người cách mạng như ông là chiến trường không tiếng súng nhưng nó không hề kém phần cam go, gập ghềnh, nguy hiểm.

Nhà thơ Tố Hữu cũng đã từng viết:

“Đường cách mạng từ khi tôi đã hiểu

Dấn thân vô là phải chịu tù đày

Là gương kẻ tận cổ súng kẻ tai

Là thân sống chỉ coi còn một nữa”

Đảng và nhân dân ta tự hào vì có một trí thức trẻ Hoàng Minh Châu năng nổ, xốc vác, có tài có đức, gia nhập vào đội quân tiên phong của công nhân và nhân dân lao động. Đây là vốn quý của cách mạng bởi thời bấy giờ ở miền Tây rất ít người đạt được trình độ này.

Trong khi miền Đông Nam bộ đang gặp khó khăn trong phong trào cách mạng thì đồng chí Hoàng Minh Châu được cử về tăng cường, giúp ổn định và phát triển đảng viên, tổ chức cách mạng và phương hướng hoạt động, tạo ra một cột mốc lịch sử quan trọng, một bước phát triển mới của phong trào cách mạng Biên Hòa.

1. Người đại biểu nhân dân

Người lính trên chiến trường đối diện trực tiếp với họng súng kẻ thù. Người lính sau hậu phương sống chèn ép của kẻ địch, phải bám sát dân, sống trong sự bao vây, tổ chức quần chúng nhân dân, đứng lên đòi tự do, dân chủ.

Với những chiến lược cách mạng đúng đắn, đồng chí Hoàng Minh Châu đã tổ chức được đội ngũ đảng viên cốt cán và quần chúng nhân dân hăng hái tham gia vào công cuộc kháng chiến, đồng thời thành lập ra chi bộ Đảng Bình Phước – Tân Triều. Từ đó, phong trào cách mạng tại tỉnh Biên Hòa phát triển mạnh mẽ.

Và chính trong những ngày mùa thu lịch sử “cờ bay muôn nơi trong ánh sao vàng” ấy, nhân dân Việt Nam nói riêng và người dân Đồng Nai nói chung đã hạnh phúc hít thở bầu không khí hòa bình, tự do thật sự khi Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.



Trụ sở của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai ngày nay

Bác Hồ đã chỉ đạo phải tập trung tổ chức càng sớm càng hay cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc dân đại hội (Quốc hội). Bác đã ký Sắc lệnh số 14 ngày 8/9/1945 và Sắc lệnh số 51 ngày 17/10/1945 về tổ chức tổng tuyển cử. Trên cơ sở sắc lệnh đó, cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được tiến hành ngày 6/1/1946 và thành công tốt đẹp.

Thắng lợi đó là một mốc son đánh dấu bước phát triển nhảy vọt đầu tiên về thể chế dân chủ của nước Việt Nam. Đây vừa là thành quả, vừa là yêu cầu bức thiết của cách mạng. Quốc hội ra đời trong khói lửa của cuộc đấu tranh dân tộc gay gắt. Đó là Quốc hội của độc lập dân tộc, của thống nhất đất nước và của đại đoàn kết toàn dân. Quốc hội đã hội tụ các đại biểu của cả ba miền Bắc-Trung-Nam, là ý chí

của nhân dân cả nước. Cuộc tổng tuyển cử đánh dấu bước trưởng thành của Nhà nước cách mạng Việt Nam, mở ra một thời kỳ mới, thời kỳ đất nước ta có một Quốc hội, một Chính phủ thống nhất, một Hiến pháp tiên bộ và một hệ thống chính quyền hoàn toàn đầy đủ danh nghĩa về mặt pháp lý để đại diện cho nhân dân Việt Nam về đối nội, đối ngoại. Cuộc bầu cử là căn cứ để khẳng định Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có tính chất hợp pháp, dân chủ - nhà nước của dân, do dân và vì dân, được quốc dân giao phó trọng trách điều hành đất nước, tổ chức toàn dân kháng chiến kiến quốc, giải quyết mọi quan hệ của Việt Nam trên trường quốc tế.

Tại Đồng Nai, cử tri vùng giải phóng nô nức đi bầu cử bắt chập bom đạn của giặc Pháp. Người dân Đồng Nai lần đầu tiên được cầm trên tay lá phiếu để chọn cho mình đại biểu quốc hội, đủ sức, đủ tài để lãnh đạo quần chúng nhân dân tiếp tục cuộc đấu tranh trường kỳ đồng thời lần đầu tiên dân chúng chọn người đại diện chân chính và trung thành của toàn thể quốc dân, bầu ra một cơ quan quyền lực cao nhất đủ thẩm quyền để ban hành cho nước Việt Nam một Hiến pháp ấn định rõ ràng quyền lợi của quốc dân và của Chính phủ và mới phá tan được hết những nghi ngờ ở trong cũng như ở ngoài đối với chính quyền nhân dân.

Trong những ngày trọng đại ấy, 4 vị đại biểu đồng thời là 4 chiến sĩ cách mạng ưu tú nhất của Đảng cộng sản được bầu chọn làm đại biểu Quốc hội đầu tiên của tỉnh Đồng Nai là Hoàng Minh Châu, Điều Xiển, Nguyễn Văn Nghĩa, Phạm Văn Búng.

Hoàng Minh Châu và những người đại biểu của nhân dân Đồng Nai trong hoàn cảnh chiến tranh hết sức khốc liệt đã vượt dặm ngàn ra tới Hà Nội để họp Quốc hội khóa đầu tiên.

Một vị chủ tịch UBND tỉnh đã quay trở về miền Nam bằng con tàu không số. Quyết định không đi thẳng về Bến Tre mà trở về Biên Hòa để tiếp tục tham gia

chiến đấu, ông đã bị địch bắt và tra tấn dã man nhưng Hoàng Minh Châu vẫn giữ vững khí tiết của người cách mạng kiên trung.

Chẳng hạn như lúc ông bị bọn mật thám Pháp bắt và tra tấn, chúng hỏi ông rằng tại sao ông lại tịch thu tài sản của doanh nghiệp chia cho dân, người đại biểu của nhân dân một nước độc lập, có chủ quyền đã khẳng khái trả lời khiến tên này cứng họng:

- *“Những tài sản đó có được là nhờ sự tiếp tay của nhà nước “Đại Pháp” các ông. Họ bóc lột công nhân, nông dân mà có. Tôi thay mặt nhân dân ra lệnh tịch thu để trả lại cho dân. Ông hãy nói với họ đến gặp dân mà đòi. Còn đối với tôi hiện nay đang bị các ông giam giữ trái phép. Tôi là nghị sĩ quốc hội của nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa. Một nước độc lập, có chủ quyền được quốc tế thừa nhận. Theo luật Quốc tế, Nghị sĩ quốc hội được quyền bất khả xâm phạm về thân thể, chắc nước Pháp cũng tuân thủ Luật quốc tế và Việt Nam chúng tôi cũng vậy. Ta phải đối xử với nhau theo Luật quốc tế. Tôi hiện nay hai tay chỉ có còng, hai chân chỉ có xiềng, khắp thân thể đầy thương tích. Như vậy các ông tự xưng là dân chủ, văn minh được ư?”*

Câu trả lời khí khái đầy thông minh của ông đã khẳng định được chủ quyền không thể xâm phạm của nước Việt Nam đồng thời cho thấy Việt Nam là một nước tuân thủ pháp luật và luật pháp quốc tế. Một thắng lợi mà cha anh đã phải đổ biết bao nhiêu xương máu mới giành được.

Sau khi được thả tự do nhờ cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân, ông trở về Trà Vinh tiếp tục hoạt động trong khi mang trên mình những vết thương thập tử nhất sinh. Và trong những ngày chuẩn bị công tác nhận chức chủ tịch Ủy ban Hành chính kháng chiến của tỉnh Trà Vinh, ông nhắm mắt từ giã cõi đời khi tuổi vừa tròn 37.

19 năm hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Minh Châu là phần lớn thời gian là ở tỉnh Biên Hòa (cũ), ông đã có công rất lớn trong việc phát triển phong trào cách mạng nơi đây. Chính ông cũng đã giác ngộ rất nhiều quần chúng ưu tú, sau này trở thành cán bộ nòng cốt, lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng của tỉnh Biên Hòa cho đến ngày thống nhất.

Ông mất đi trong niềm tiếc thương vô hạn của đồng bào, đồng chí. Sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của ông vẫn còn dở dang. Đảng mất một đảng viên kiên trung, tổ quốc mất đi một người con trung hiếu. Người đại biểu trung thành với

Tại Công văn Số 42 – QH của Trường ban Thường trực Quốc Hội ngày 20/1/1949 đã nhắc đến những thành tích mà các chiến sĩ Nam bộ đã dành được. Trong đó có nói:

“Chúng tôi rất lấy làm vui sướng vì thấy các đại biểu đã hầu hết làm trọn phận sự của mình để đáp lại sự tin cậy của quốc dân. Trong chính quyền, không kể các vị đại biểu Quốc hội trong Chính phủ Trung ương, ở các khu, các tỉnh, các vị cũng đều giữ những trọng trách. Quốc hội Việt Nam lấy làm vinh dự được có những chiến sĩ anh dũng như các cố đại biểu Thái Văn Lung, Nguyễn Hữu Nghị, Nguyễn Văn Tiét, Hoàng Minh Châu (Nam bộ), Lê Thế Hiếu (Trung bộ), Nguyễn Văn Luyện, Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Viêt Quỳnh (Bắc bộ) đã bỏ mình vì Tổ quốc, và hiện nay vị đại biểu của Bà Rịa: Dương Bạch Mai còn đang nằm trong khám lớn Sài Gòn của thực dân Pháp cũng vì nhiệt tâm tranh đấu cho dân tộc”.

Kế thừa truyền thống đó, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh từ khóa VI đến nay đã hoàn thành vai trò là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân ở đơn vị bầu cử mình và nhân dân cả nước. Các đại biểu đã thực hiện đúng quyền và trách nhiệm của mình theo quy định của Hiến pháp. Liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng của cử tri

với Quốc hội, các cơ quan, tổ chức hữu quan. Đồng thời thực hiện chế độ tiếp xúc và báo cáo với cử tri, trả lời và theo dõi việc giải quyết khiếu nại, tố cáo nhằm giải quyết thỏa đáng ý kiến cử tri. Từ đầu nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII đến nay, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh đã tổ chức 239 buổi tiếp xúc cử tri tại 11 huyện, TX. Long Khánh và TP. Biên Hòa với trên 40.000 cử tri tham dự. Ngoài ra còn thực hiện 16 buổi tiếp xúc cử tri theo chuyên đề, 19 cuộc tiếp xúc cử tri nơi cư trú, công tác. Đến nay, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh đã thực hiện tiếp hơn 1.200 lượt công dân, tiếp nhận trên 3.300 đơn thư khiếu nại, trong đó chuyển đến các cơ quan chức năng xử lý và giải quyết đạt 87%.

III. NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA HOÀNG MINH CHÂU TRONG SỰ NGHIỆP ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

1. Tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lê Nin và định hướng phong trào yêu nước ở Biên Hòa

Cách mạng giải phóng dân tộc của tỉnh Đồng Nai thời kỳ năm 1935 - 1946 có một phần đóng góp quan trọng của đồng chí Hoàng Minh Châu.

Đây là thời kỳ hết sức khó khăn đối với các Đảng bộ cộng sản ở Nam bộ. Xứ ủy và các Liên tỉnh ủy bị phá vỡ và lập đi lập lại nhiều lần. Phần lớn cán bộ đảng viên bị bắt cầm tù... một số phải chuyển vùng, lánh về nông thôn, đồn điền cao su ẩn náu.

Đầu năm 1935, Liên Tỉnh ủy miền Đông đã cử đồng chí Hoàng Minh Châu về Biên Hòa liên lạc với nhóm cộng sản của đồng chí Tư Chà, bàn bạc kế hoạch vận động thành lập chi bộ Đảng Cộng sản tại Biên Hòa. Tháng 02/1935 tại nhà đồng chí Huỳnh Văn Ngọc, cơ sở cách mạng ở Tân Triều. Chi bộ Cộng sản Bình Phước - Tân Triều được thành lập do đồng chí Hoàng Minh Châu làm Bí thư, đồng chí Huỳnh Văn Phan làm Phó Bí thư. Từ khi ra đời, nhiều đảng viên được kết nạp và đã tích cực thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền giác ngộ quần chúng cách mạng dưới nhiều hình thức sáng tạo như thành lập Liên đoàn học sinh ở Trường Tiểu học Bình Hòa (quận Châu Thành), kết nạp 30 thành viên, tổ chức công khai các hoạt động cắm trại, đá banh... dùng nhiều hình thức tuyên truyền linh hoạt, phù hợp như kể chuyện về các nhà yêu nước Việt Nam, về người thanh niên Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước... để khơi dậy lòng yêu nước trong nhân dân, bí mật phổ biến sách, báo cách mạng để tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin, vạch mặt sự tàn ác của thực dân Pháp, kêu gọi mọi người tự giác tham gia và ủng hộ cách mạng.

Qua phong trào, nhiều thanh niên đã giác ngộ cách mạng, được kết nạp vào Đảng, tiêu biểu như Phạm Văn Thuận, sau này là Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa (1948 -

1951), Phó Bí thư Tỉnh ủy Thủ Biên (1951 - 1954), đồng chí Huỳnh Văn Lũy, đồng chí Huỳnh Dân Sanh. Sự ra đời của chi bộ Bình Phước - Tân Triều đã khẳng định sức mạnh của công tác tuyên truyền vì đã góp phần quan trọng vào sự phát triển mới của phong trào cách mạng ở Biên Hòa sau này.

Phong trào yêu nước của quần chúng và phong trào công nhân là kết quả của quá trình tuyên truyền vận động của Đảng do đồng chí Hoàng Minh Châu lãnh đạo đã lan rộng. Đây cũng là bước chuẩn bị về tư tưởng cho việc thành lập chi bộ Đảng Cộng sản Bình Phước - Tân Triều ở Biên Hòa sau này.

Từ đó, khí thế cách mạng của nhân dân Biên Hòa mà nòng cốt là các cơ sở Đảng đã được tập hợp tạo thành cơ sở vững chắc đưa phong trào quần chúng ở Biên Hòa cùng với cả nước nhất tề vùng dậy khởi nghĩa giành lấy chính quyền trong những ngày mùa thu lịch sử năm 1945.

2. Thành lập chi bộ Đảng Bình Phước – Tân Triều tạo tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa, thành lập chính quyền

Trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, quân và dân Biên Hòa - Đồng Nai luôn anh dũng, kiên cường, đứng lên đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. Lịch sử đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Đồng Nai là những bản anh hùng ca, trong đó việc thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh tại Bình Phước - Tân Triều cho thấy sức lan tỏa rộng khắp của phong trào đấu tranh trong nhân dân Đồng Nai sớm được phát triển mạnh mẽ.

Vào tháng 5-1931 hầu hết các đồng chí trong Ban Thường vụ Trung ương Đảng, kể cả Tổng Bí thư Trần Phú đều bị bắt. Xứ ủy Nam kỳ cũng tan rã. Tại Biên Hòa, do chưa có kinh nghiệm hoạt động nên ngay từ cuối năm 1930, nhiều đảng viên cốt cán đã bị bắt, một số thì lánh đi nơi khác hoặc mất liên lạc với tổ chức.

Phong trào cách mạng ở Biên Hòa cũng như toàn quốc lâm vào tình trạng khó khăn nghiêm trọng. Đến năm 1933, sau một thời gian tạm lánh đi nơi khác để tránh địch khủng bố, một số đảng viên đã trở về Biên Hòa tiếp tục hoạt động. Trong số đó có người thanh niên yêu nước Lưu Văn Việt (Tur Chà). Với chiếc xe đạp cũ kỹ và lớp áo của người đi bán bánh mì dạo, đảng viên Lưu Văn Việt đã đến nhiều nơi trong tỉnh để tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, xây dựng cơ sở, đoàn kết tập hợp các tầng lớp nhân dân đứng lên đấu tranh, chống lại bọn xâm lược.



Di tích nơi thành lập Chi bộ Đảng Bình Phước – Tân Triều ngày nay

Đầu năm 1935, đồng chí Hoàng Minh Châu được Liên Tỉnh ủy miền Đông cử về hoạt động ở Biên Hòa. Đồng chí đã bắt liên lạc với nhóm đồng chí Lưu Văn Việt. Trên cơ sở này, đồng chí đã vận động thành lập Chi bộ Đảng xã Bình Phước - Tân Triều. Theo đó, vào tháng 2-1935, tại nhà ông Huỳnh Văn Ngọc, thuộc ấp Long Hòa, làng Tân Triều Đông, tổng Phước Vĩnh Trung, tỉnh Biên Hòa (nay là ấp Tân Triều, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu), Chi bộ Đảng Bình Phước - Tân Triều

được thành lập. Đây là tổ chức Đảng được thành lập sớm nhất ở Biên Hòa - Đồng Nai, do đồng chí Hoàng Minh Châu làm Bí thư, đồng chí Huỳnh Văn Phan làm Phó bí thư và các đảng viên, gồm: Lưu Văn Viết, Lưu Văn Văn, Quách Tỹ, Quách Sanh, Trần Minh Triết.

Trong trí nhớ của ông Huỳnh Văn Quận (con trai ông Huỳnh Văn Ngọc - cơ sở đầu tiên thành lập Chi bộ Đảng xã Bình Phước - Tân Triều), đồng chí Hoàng Minh Châu có nước da trắng, luôn gần gũi, sống tình cảm với mọi người. Lúc đó, sự lãnh đạo của đồng chí Hoàng Minh Châu đối với Chi bộ Đảng xã Bình Phước - Tân Triều rất khó khăn, luôn bị theo dõi bởi bọn tay sai, mật thám và thực dân Pháp. Do vậy, để mở rộng tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản và xây dựng cơ sở cách mạng, chi bộ đã tổ chức “Liên đoàn học sinh” ở Trường tiểu học Bình Hòa. Thông qua hoạt động của tổ chức này, chi bộ đã giác ngộ và kết nạp thêm một số thanh niên ưu tú vào Đảng, trong đó có các đồng chí Phạm Văn Thuận, Huỳnh Dân Sanh.

Khi lực lượng đảng viên đã có một số lượng nhất định, đến đầu năm 1937 cũng tại nhà ông Huỳnh Văn Ngọc, Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa được thành lập, do đồng chí Trương Văn Bang - nguyên Bí thư Xứ ủy Nam kỳ được cử về làm bí thư tại Biên Hòa. Công tác xây dựng Đảng của Biên Hòa từ đây có những bước phát triển mới và thêm nhiều chi bộ được thành lập tại các xã Tân Triều, Bình Ý thuộc quận Châu Thành (nay là huyện Vĩnh Cửu), Mỹ Lộc thuộc Tân Uyên, trong nhà máy cưa BIF, ở các đồn điền cao su Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Long Thành.

Hiện nay, địa điểm thành lập Chi bộ Bình Phước - Tân Triều tại xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu đã được công nhận là di tích lịch sử cấp tỉnh. Gia đình ông Huỳnh Văn Quận đã hiến 160m² đất để Huyện ủy, UBND huyện Vĩnh Cửu xây dựng nhà bia lưu niệm cấp tỉnh, nơi ra đời của chi bộ Đảng đầu tiên ở Biên Hòa - Đồng Nai và cũng là nơi ghi dấu thành lập Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa. Qua đó giúp mọi thế

hệ có điều kiện tìm hiểu về lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai cũng như truyền thống đấu tranh anh dũng của cha, ông để lại.

Địa điểm thành lập chi bộ Bình Phước - Tân Triều, sau này là Tỉnh uỷ Lâm thời Biên Hoà được Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xếp hạng di tích theo quyết định số 224/QĐ.UBND ngày 23/01/2001.

Chi bộ Cộng sản Bình Phước - Tân Triều là một trong những chi bộ hình thành sớm ở Biên Hòa, một tổ chức tiên phong của giai cấp công nhân địa phương. Chi bộ là hạt nhân lãnh đạo phong trào Mặt trận Dân chủ Đông dương ở Biên Hòa (1936-1939), làm nòng cốt cho việc hình thành Tỉnh uỷ lâm thời Biên Hòa (1937). Nhiều đảng viên của chi bộ sau này trở thành những cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh Biên Hòa và tỉnh Thủ Biên. Sự ra đời của Chi bộ cộng sản Bình Phước - Tân Triều đã đánh dấu một mốc lịch sử quan trọng, một bước phát triển mới của phong trào cách mạng ở tỉnh Biên Hòa. Đảng viên, quần chúng, nhân dân địa phương dưới ngọn cờ Đảng Cộng sản đã đấu tranh quyết liệt với kẻ thù, giành nhiều thắng lợi to lớn đặc biệt trong cuộc tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Việc ra đời của chi bộ có ý nghĩa rất quan trọng về chính trị. Đây là hạt nhân lãnh đạo phong trào mặt trận dân chủ nhân dân ở Đồng Nai – Đây là hạt nhân của việc ra đời chính quyền cách mạng lâm thời ở Biên Hòa để lãnh đạo nhân dân đứng lên giành độc lập.

3. Thành lập Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Biên Hòa

Cách mạng Tháng tám ở Biên Hòa thành công không đổ máu chính là nhờ công lao của đồng chí Hoàng Minh Châu. Ông chính là một trong những người gây dựng và lãnh đạo phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân Biên Hòa tại thời kỳ năm 1935 – 1945.

Dù tuổi đời còn rất trẻ, nhưng quá trình hoạt động cách mạng nổi bật, cùng với kiến thức sâu rộng, am hiểu về chính trị, quân sự, Hoàng Minh Châu đã nhận được sự tín nhiệm của quần chúng nhân dân và tổ chức.

Sáng sớm ngày 27-8-1945, gần một vạn người từ khắp các quận Xuân Lộc, Tân Uyên, Long Thành, Dĩ An, Châu Thành ... nô nức kéo về Quảng trường Sông Phố của tỉnh lỵ Biên Hòa để dự cuộc mít - tinh lớn. Sau diễn văn khai mạc của ông Dương Bạch Mai - đại diện Xứ ủy Nam kỳ kiêm đại diện Mặt trận Việt Minh ở Nam bộ là phần công bố thành phần Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời (UBND CMLT) tỉnh Biên Hòa. Theo đó, Chủ tịch UBND CMLT tỉnh là ông Hoàng Minh Châu - vị Chủ tịch UBND tỉnh đầu tiên của tỉnh Biên Hòa lúc ấy mới 34 tuổi.

Vào lúc 11 giờ trưa ngày 26-8-1945, Hoàng Minh Châu cùng các đồng chí trong Ủy ban Khởi nghĩa tỉnh đến tiếp nhận và chứng kiến bàn giao chính quyền tỉnh Biên Hòa về tay nhân dân.

Với cương vị Chủ tịch UBND CMLT tỉnh Biên Hòa, Hoàng Minh Châu đã tuyên bố truất quyền sở hữu toàn bộ các đồn điền cao su, nhà máy chế biến lâm sản, nhà máy khai thác đá, cát..., nhà máy xay lúa gạo... của giới chủ tư bản Pháp, đồng thời tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến chia cho nông dân, đặc biệt là ra quyết định bãi bỏ thuế thân và nhiều thứ thuế bất hợp lý khác do thực dân Pháp đặt ra. Vị Chủ tịch UBND tỉnh Hoàng Minh Châu còn ra quyết định giảm thuế, giảm tô để khuyến khích nông dân tăng gia sản xuất...

Ngày 6/1/1946, được sự tín nhiệm của toàn thể quốc dân, đồng bào, đồng chí Hoàng Minh Châu đã trở thành đại biểu đầu tiên của tỉnh Biên Hòa.

LỜI KẾT

Cuộc đời cách mạng của người chiến sĩ cộng sản Hoàng Minh Châu là một cuộc đời đầy hoa và lửa. Càng yêu quê hương, đất nước, chúng ta càng tự hào về một người cộng sản chân chính của cách mạng Việt Nam, người con ưu tú của dân tộc. Bày tỏ lòng biết ơn về những cống hiến to lớn của đồng chí Hoàng Minh Châu đối với đất nước, đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tưởng nhớ đồng chí, chúng ta nguyện bước tiếp ý chí kiên cường, tinh thần làm việc tận tụy, hy sinh phấn đấu trọn đời vì lý tưởng của Đảng và hạnh phúc của nhân dân; học tập nhân cách đạo đức sáng ngời của người cộng sản kiên cường; quyết tâm phấn đấu xây dựng đất nước ta ngày càng giàu, đẹp, xứng đáng với những gì ông và các đồng chí của ông đã xây dựng nên.



